

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
LỚP QUẢN TRỊ KINH DOANH TÀI NĂNG**

**Sinh viên :Hoàng Hà Mi
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI
CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

LỚP QUẢN TRỊ KINH DOANH TÀI NĂNG

**Sinh viên :Hoàng Hà Mi
Giảng viên hướng dẫn:ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Hà Mi

Mã SV: 1212401087

Lớp: QTTN201

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty
xăng dầu khu vực III

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác vốn bằng tiền trong doanh nghiệp
 - ✓ Tìm hiểu thực tế tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại doanh nghiệp
 - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ✓ Sơu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán vốn bằng tiền năm 2015 tại Công ty xăng dầu khu vực III

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty xăng dầu khu vực III

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường đại học dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 16 tháng 5 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 24 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên **Hoàng Hà Mi** đã đáp ứng được yêu cầu của một khoá luận tốt nghiệp. Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về Công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán... Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2015). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 22 tháng 07 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

Lời mở đầu	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.	2
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền.	2
1.1.3. Nhiệm vụ và nguyên tắc hạch toán của vốn bằng tiền:.....	4
1.1.3.1. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:.....	4
1.1.3.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền:	4
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:	5
1.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ:.....	5
1.2.1.1. Quy định về kế toán tiền mặt tại quỹ:	5
1.2.1.2. Chứng từ sử dụng:	7
1.2.1.3. Tài khoản sử dụng:	7
1.2.1.4. Phương pháp hạch toán:	8
1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng.....	10
1.2.2.1. Quy định về kế toán tiền gửi ngân hàng:.....	10
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng:	11
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng:	12
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán:	12
1.2.3. Kế toán tiền đang chuyển:	15
1.2.3.1. Nội dung kế toán tiền đang chuyển:.....	15
1.2.3.2. Chứng từ sử dụng:	15
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng:	15
1.2.3.4. Phương pháp hạch toán:	16
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống số kế toán vào công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:.....	17
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III	23
2.1. Khái quát chung về công ty:.....	23
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	23

2.1.1.1.	Tên, địa chỉ doanh nghiệp	23
2.1.1.2.	Sự thành lập và các mốc quan trọng của sự phát triển	23
2.1.2.	Chức năng, nhiệm vụ của công ty	24
2.1.3.	Mô hình tổ chức bộ máy quản lý.....	26
2.1.4.	Tổ chức bộ máy kế toán:	31
2.1.4.1.	Tổ chức bộ máy kế toán:	31
2.1.4.2.	Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty:	32
2.1.4.3.	Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán:	33
2.1.4.4.	Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty:.....	33
2.1.4.5.	Tổ chức hệ thống báo cáo tại công ty.....	34
2.2.	Thực trạng công tác vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III.....	34
2.2.1.	Kế toán tiền mặt tại quỹ:.....	34
2.2.1.1.	Chứng từ và tài khoản sử dụng:	35
2.2.1.2.	Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ công ty:	36
2.2.1.3.	Một số ví dụ minh họa:.....	37
2.2.2.	Kế toán tiền gửi ngân hàng:.....	47
2.2.2.1.	Chứng từ kế toán sử dụng và tài khoản sử dụng:	47
2.2.2.2.	Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng	48
2.2.2.3.	Một số ví dụ minh họa:.....	49
	CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III	
	56
3.1.	Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III:.....	56
3.1.1.	Ưu điểm về tổ chức công tác kế toán tại Công ty xăng dầu khu vực III: .	57
3.1.2.	Hạn chế trong công tác kế toán vốn bằng tiền:.....	58
3.2.	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III	59
3.2.1.	Công ty lên sử dụng tài khoản 113 – “ Tiền đang chuyển”	60
3.2.2.	Hoàn thiện công tác quản lý và kiểm kê tiền mặt.....	62
3.2.3.	Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:.....	64
3.2.4.	Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán.....	64
	KẾT LUẬN	67
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	68

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán tiền mặt (VND)	8
Sơ đồ 1.2: Kế toán tiền mặt (NGOẠI TỆ)	8
Sơ đồ 1.3: Kế toán tiền gửi ngân hàng (VND)	13
Sơ đồ 1.4: Kế toán tiền gửi ngân hàng (NGOẠI TỆ)	14
Sơ đồ 1.5: Kế toán tiền đang chuyển	16
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký- Sổ cái	18
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ	19
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức nhật ký chứng từ	20
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung	21
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán máy:	22
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty xăng dầu khu vực III	26
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán ở công ty xăng dầu khu vực III.....	31
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tại công ty.....	33
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Công ty xăng dầu khu vực III.....	36
Sơ đồ 2.5: Sơ đồ quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng của Công ty xăng dầu khu vực III.....	48
Sơ đồ 3.1: Kế toán tiền đang chuyển (TK 113)	61

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 5711	39
Biểu số 2.2: Giấy đề nghị thanh toán	40
Biểu số 2.3: Phiếu chi số 14/12	41
Biểu số 2.4: Giấy báo nợ số 05/12	42
Biểu số 2.5: Phiếu thu số 37/12.....	43
Biểu số 2.6: Nhật ký chung	44
Biểu số 2.7: Sổ cái tiền mặt.....	45
Biểu số 2.8: Sổ quỹ tiền mặt	46
Biểu số 2.9: Giấy báo nợ số 05/12	50
Biểu số 2.10: Giấy báo có số 28/12.....	51
Biểu số 2.11: Sổ tiền gửi ngân hàng	52
Biểu số 2.12: Bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng	53
Biểu số 2.13: Sổ nhật ký chung.....	54
Biểu số 2.14: Sổ cái TK 112	55
Biểu số 3.1: Bảng kiểm kê quỹ	63
Biểu số 3.2: Sổ giao nhận chứng từ	64

Lời mở đầu

Trong nền kinh tế thị trường, vốn là điều kiện tiên quyết, có ý nghĩa quyết định tới các bước tiếp theo trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là một yếu tố rất quan trọng, sự vận động của vốn bằng tiền được xem là hình ảnh trung tâm của quá trình sản xuất kinh doanh. Với sự hiện diện của vốn bằng tiền tuy là bề nổi nhưng nó lại phản ánh trung thực và trịnh xác nhất tình hình tài chính của doanh nghiệp. Như vậy tiền là vấn đề được quan tâm hàng đầu, vấn đề sống còn của bất cứ doanh nghiệp nào.

Xuất phát từ vị trí và tầm quan trọng của công tác quản lý và hạch toán vốn bằng tiền kết hợp với việc tìm hiểu thực tế công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III, trên cơ sở những kiến thức đã học trong nhà trường cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của giảng viên Thạc sĩ: Nguyễn Văn Thụ và các cô chú cán bộ phòng kế toán, em xin đi sâu nghiên cứu đề tài: “ Hoàn thiện công tác vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III”.

Nội dung khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận, gồm ba chương chính:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III.

Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III.

Hải Phòng, ngày..... tháng.....năm 2016.

Sinh viên

CHƯƠNG I:

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn, và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xuất phát từ vị trí và tầm quan trọng của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp, trong công tác kế toán của một doanh nghiệp không thể thiếu vị trí của kế toán vốn bằng tiền, một trong những khâu của công tác kế toán trong doanh nghiệp có mối quan hệ hữu cơ và gắn bó tạo thành một hệ thống kế toán hoàn chỉnh.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền.

Trong nền kinh tế hiện đại ngày nay, khi đề cập đến tiền tệ người ta không nhìn nó một cách hạn hẹp và đơn giản rằng tiền tệ chỉ là kim loại hay tiền giấy mà người ta đã xem xét tiền tệ ở một góc độ rộng lớn hơn cả các loại séc; sử dụng tiền gửi, thanh toán bằng thẻ... nếu chúng có thể chuyển đổi dễ dàng thành tiền mặt thì cũng có thể xem là tiền.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng như cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán và thu hồi

các khoản nợ. Chính vì thế quy mô của vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của nhà nước

- Khi quản lý vốn bằng tiền phải được dựa trên nguyên tắc chế độ, thể lệ của nhà nước ban hành.

- Nhà nước quy định ngân hàng là cơ quan duy nhất để phụ trách và quản lý tiền mặt.

- Mọi khoản thu tiền mặt bất cứ từ nguồn nào đều phải nộp hết vào ngân hàng trừ trường hợp: các xí nghiệp nhỏ, các cửa hàng ăn uống công cộng, các đơn vị ở xa ngân hàng hoặc những đơn vị có doanh thu thấp.

- Các xí nghiệp tổ chức kinh tế và các cơ quan đều phải mở tài khoản tại ngân hàng để được lưu thông tiền tệ một cách dễ dàng hơn, và điều hòa được các nguồn vốn trong đơn vị.

- Mọi khoản thu chi vốn bằng tiền đều phải có chứng từ gốc hợp lệ để chứng minh.

- Nghiêm cấm các đơn vị cho thuê, mượn tài khoản.

- Ghi chép và theo dõi vốn bằng tiền là ngoại tệ, vàng tiền tệ để quản lý chi tiết từng loại.

- Kế toán phải mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tài khoản, thường xuyên kiểm tra và đảm bảo độ chính xác giữa số liệu trên sổ sách và thực tế.

Vốn bằng tiền là một loại tài sản lưu động làm chức năng vật ngang giá chung trong các mối quan hệ trao đổi mua bán giữa doanh nghiệp với các đơn vị cá nhân khác. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng sử dụng.

Theo hình thái tài sản vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam đồng: Đây là loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoại tệ: Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng: đô la Mỹ (USA), đồng bảng Anh (GBP), đồng phrăng Pháp (FFr), đồng Yên Nhật (JPY), đồng đô la Hồng Kông (HKD),...

- Vàng tiền tệ: Là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu giữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

Theo trách nhiệm quản lý tiền vốn có:

- Tiền mặt tại quỹ: Gồm giấy bạc Việt Nam; ngoại tệ; vàng tiền tệ hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng: Là tiền Việt Nam; ngoại tệ; vàng tiền tệ, mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng.

- Tiền đang chuyển: Là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

1.1.3. Nhiệm vụ và nguyên tắc hạch toán của vốn bằng tiền:

1.1.3.1. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:

Xuất phát từ những đặc điểm trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.

- Giám đốc thường xuyên giám sát tình hình thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.

- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt.

- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

1.1.3.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền:

- Hạch toán kế toán phải sử dụng thống nhất một đơn vị giá trị là “đồng Việt Nam” để phản ánh tổng hợp các loại vốn bằng tiền.

- Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi sổ kế toán. Đồng thời phải theo dõi cả nguyên tệ của các ngoại tệ đó.

- Hạch toán vàng tiền tệ ở tài khoản tiền mặt phải tính ra tiền theo giá thực tế và không áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh vàng tiền tệ.

- Đối với vàng tiền tệ phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho doanh nghiệp kinh doanh vàng tiền tệ phải theo dõi khối lượng và trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng loại từng thứ. Giá nhập vào trong kì được tính theo giá thực tế, còn giá xuất có thể được tính theo một trong các phương pháp sau:

+ Phương pháp bình quân gia quyền giữa giá đầu kỳ và giá các lần nhập trong kỳ.

+ Phương pháp nhập trước, xuất trước

+ Phương pháp thực tế đích danh

- Phải mở sổ chi tiết cho từng loại ngoại tệ, vàng tiền tệ theo dõi đối tượng, số lượng... cuối kỳ hạch toán phải điều chỉnh lại giá trị ngoại tệ, vàng tiền tệ theo giá vào thời điểm tính toán để có được giá trị thực tế và chính xác.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.2.Nội dung tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

1.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ:

1.2.1.1. Quy định về kế toán tiền mặt tại quỹ:

- Chỉ phản ánh vào tài khoản quỹ tiền mặt, số tiền mặt kể cả ngân phiếu, ngoại tệ, vàng tiền tệ thực tế nhập xuất tại quỹ. Đối với những trường hợp khoản tiền thu được mà chuyển nộp ngay vào ngân hàng thì không đi qua tài khoản tiền mặt.

- Các khoản tiền: vàng tiền tệ cho đơn vị và cá nhân khác ký cược, ký quỹ tại đơn vị thì việc quản lý và hạch toán các loại tài sản bằng tiền nhân ký cược,

ký quỹ như hạch toán tài sản của đơn vị mình. Riêng đối với vàng tiền tệ trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân đối số lượng và giám định chất lượng sau đó tiến hành niêm phong có xác nhập của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

Đối với ngoại tệ, ngoài quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi nguyên tệ trên sổ sách kế toán - “Nguyên tệ các loại”. Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ theo các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố định ... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ đều luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413 “chênh lệch tỷ giá”.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413 “chênh lệch tỷ giá”.

- Khi tiến hành nhập quỹ tiền mặt phải có đầy đủ các chứng từ hợp lệ theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

- Kế toán quỹ tiền mặt chịu trách nhiệm mở và giữ sổ quỹ, ghi chép theo trình tự phát sinh các khoản thu chi, tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Riêng đối với vàng tiền tệ nhận ký cược, ký quỹ phải theo dõi riêng một sổ hoặc một trang sổ. Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm quản lý và nhập xuất quỹ tiền mặt, và chịu trách nhiệm quản lý chứng từ thu chi cuối tháng đối chiếu với kế toán.

- Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tiền còn tồn quỹ thực tế và tiến hành đối chiếu với số liệu của sổ quỹ ở kế toán. Nếu có sự chênh lệch thì kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý số liệu đó.

1.2.1.2. Chứng từ sử dụng:

Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu, chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có ủy quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu, chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu chi. Thủ quỹ sau khi nhận được phiếu thu, chi sẽ tiến hành thu hoặc chi theo những chứng từ đó. Sau khi đã thực hiện xong việc thu, chi thủ quỹ ký tên và đóng dấu “Đã thu tiền” hoặc “Đã chi tiền”, trên các phiếu đó đồng thời sử dụng phiếu thu và phiếu chi đó để ghi vào sổ quỹ tiền mặt kiêm báo cáo quỹ. Cuối ngày thủ quỹ kiểm tra lại tiền tại quỹ, đối chiếu với các báo cáo quỹ và nộp báo cáo quỹ cho kế toán.

Ngoài phiếu thu phiếu chi là căn cứ để hạch toán vào tài khoản 111 “tiền mặt” còn cần các chứng từ gốc liên quan khác kèm vào phiếu thu, phiếu chi như: Giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hóa đơn bán hàng, biên lai thu tiền...

1.2.1.3. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng để hạch toán tiền mặt tại quỹ là tài khoản 111 “tiền mặt”. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

Bên nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ nhập quỹ.
- + Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thừa quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- + Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp ngoại tệ tăng so với đồng Việt Nam)
- + Chênh lệch đánh giá tăng vàng tiền tệ tại thời điểm lập báo cáo

Bên có:

- + Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ xuất quỹ.
- + Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thiếu hụt tại quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- + Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp ngoại tệ giảm so với đồng Việt Nam)
- + Chênh lệch đánh giá giảm vàng tiền tệ tại thời điểm lập báo cáo

Dư nợ: Các khoản tiền, ngoại tệ, vàng tiền tệ hiện còn tồn quỹ

Tài khoản 111 - Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

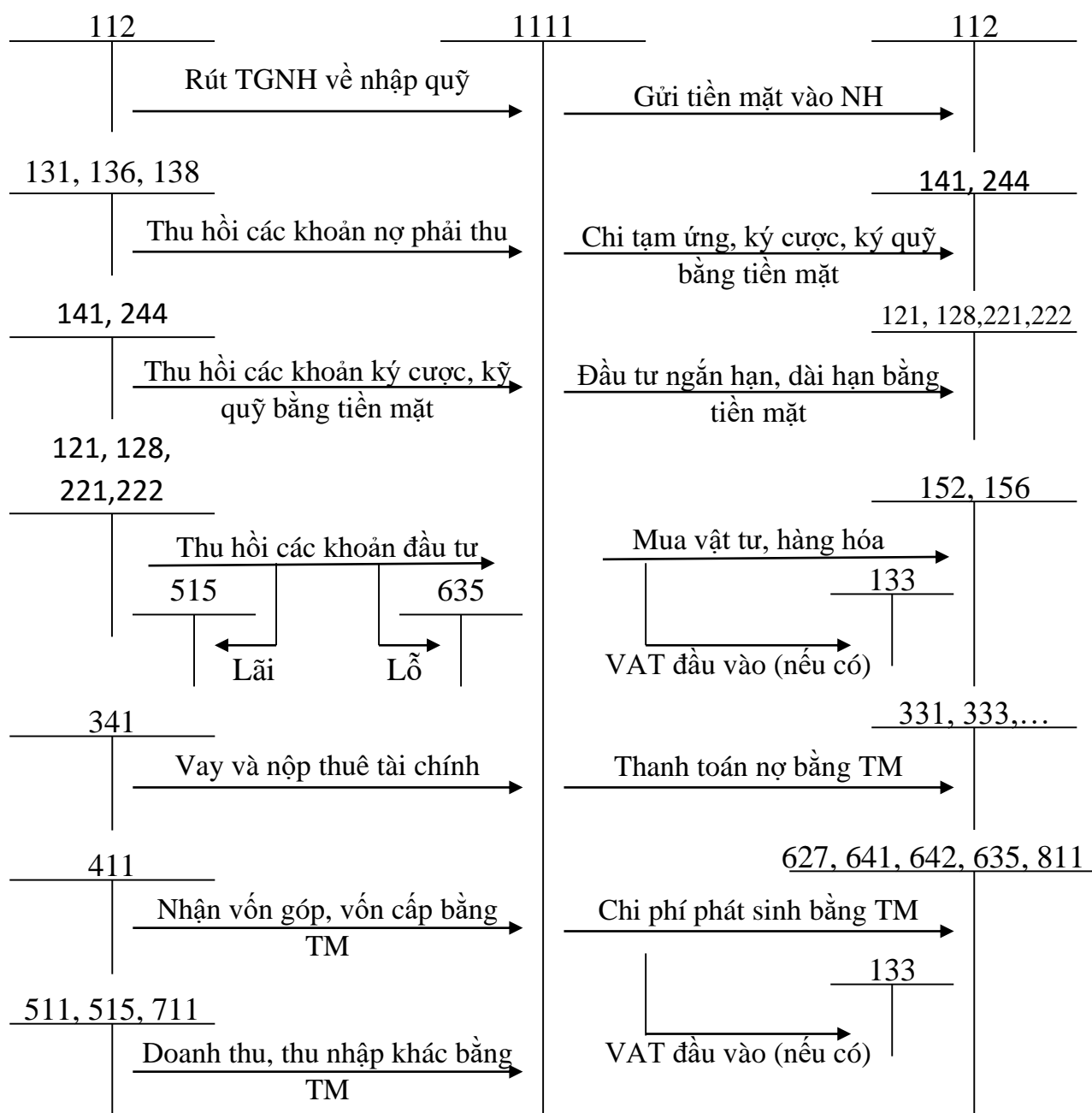
- Tài khoản 1112 - Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, chênh lệch tỷ giá và số dư ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

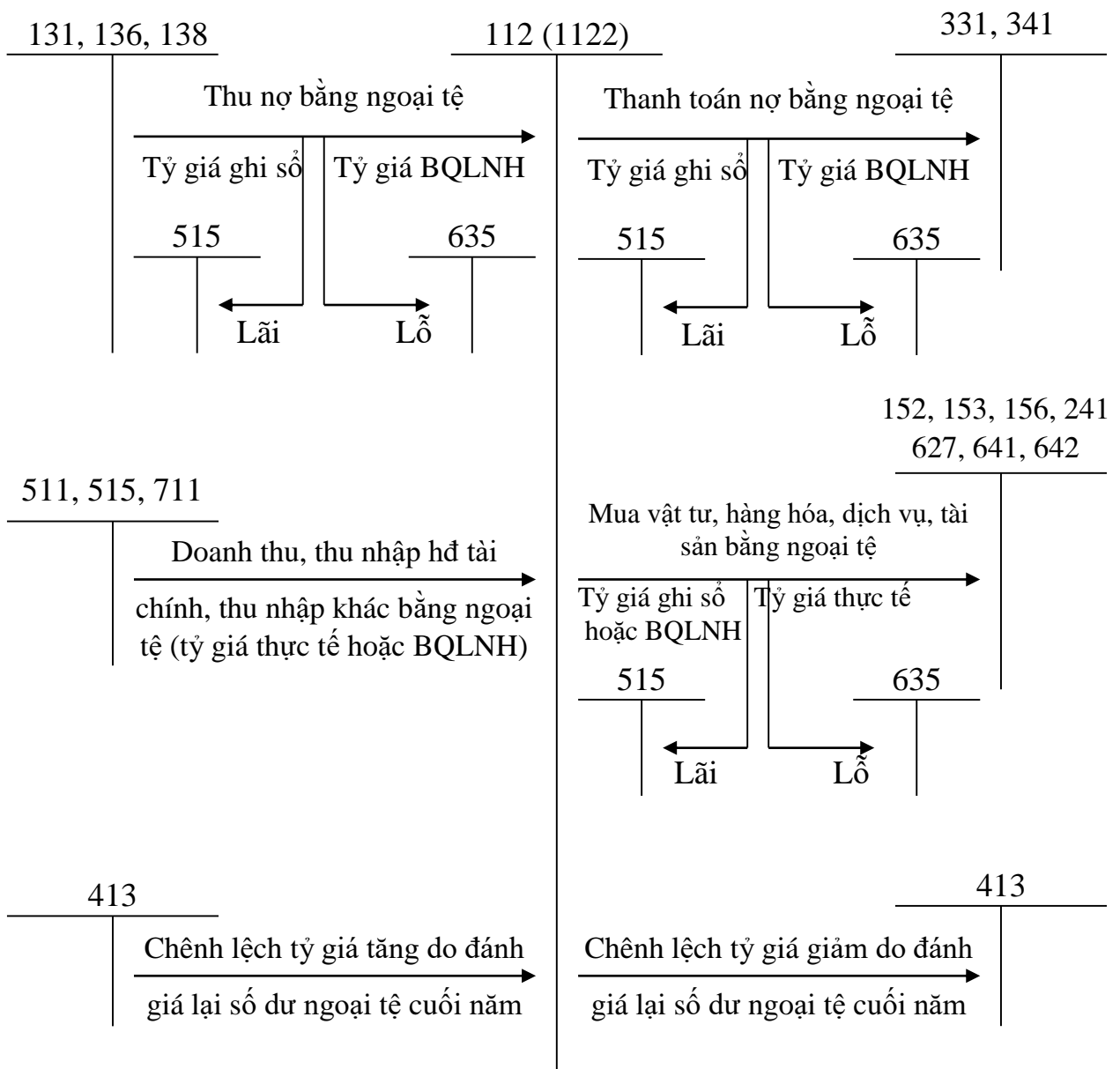
- Tài khoản 1113 - Vàng tiền tệ: Phản ánh tình hình biến động và giá trị vàng tiền tệ tại quỹ của doanh nghiệp

1.2.1.4. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tiền mặt tại quỹ bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ được phản ánh theo hai sơ đồ 1.1, 1.2 sau:

Sơ đồ 1.1: KẾ TOÁN TIỀN MẶT (VND)



Sơ đồ 1.2: KẾ TOÁN TIỀN MẶT (NGOẠI TỆ)

1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng

1.2.2.1. Quy định về kế toán tiền gửi ngân hàng:

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản tiền gửi ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu ở trên chứng từ của ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân thì kế toán phải ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của ngân hàng. Số chênh lệch được ghi vào các tài khoản chờ xử lý (TK1388 – “tài sản thiếu chờ xử lý”, TK3388 – “tài sản thừa chờ giải quyết”). Sang kỳ sau phải tiếp tục điều tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi trên sổ.

- Ở những doanh nghiệp có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đồng Việt Nam, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- Khoản thu chi ngân hàng không được ghi âm trên tài khoản tiền gửi ngân hàng mà được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

+ Bên Nợ TK 1122 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán của tài khoản 1122.

+Bên Có TK 1122 áp dụng tỷ giá ghi sổ Bình quân gia quyền.

Việc xác định tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế được thực hiện theo quy định tại phần hướng dẫn tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các tài khoản có liên quan.

- Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng tiền tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong số các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại.

+ Vàng tiền tệ được đánh giá lại theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng:

- Các giấy báo Có, báo Nợ, bảng kê sao của ngân hàng.
- Các chứng từ khác: Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng:

Hạch toán tiền gửi ngân hàng (TGNH) được thực hiện trên tài khoản 112.

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ gửi vào Ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ rút ra từ Ngân hàng;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo

Số dư bên Nợ:

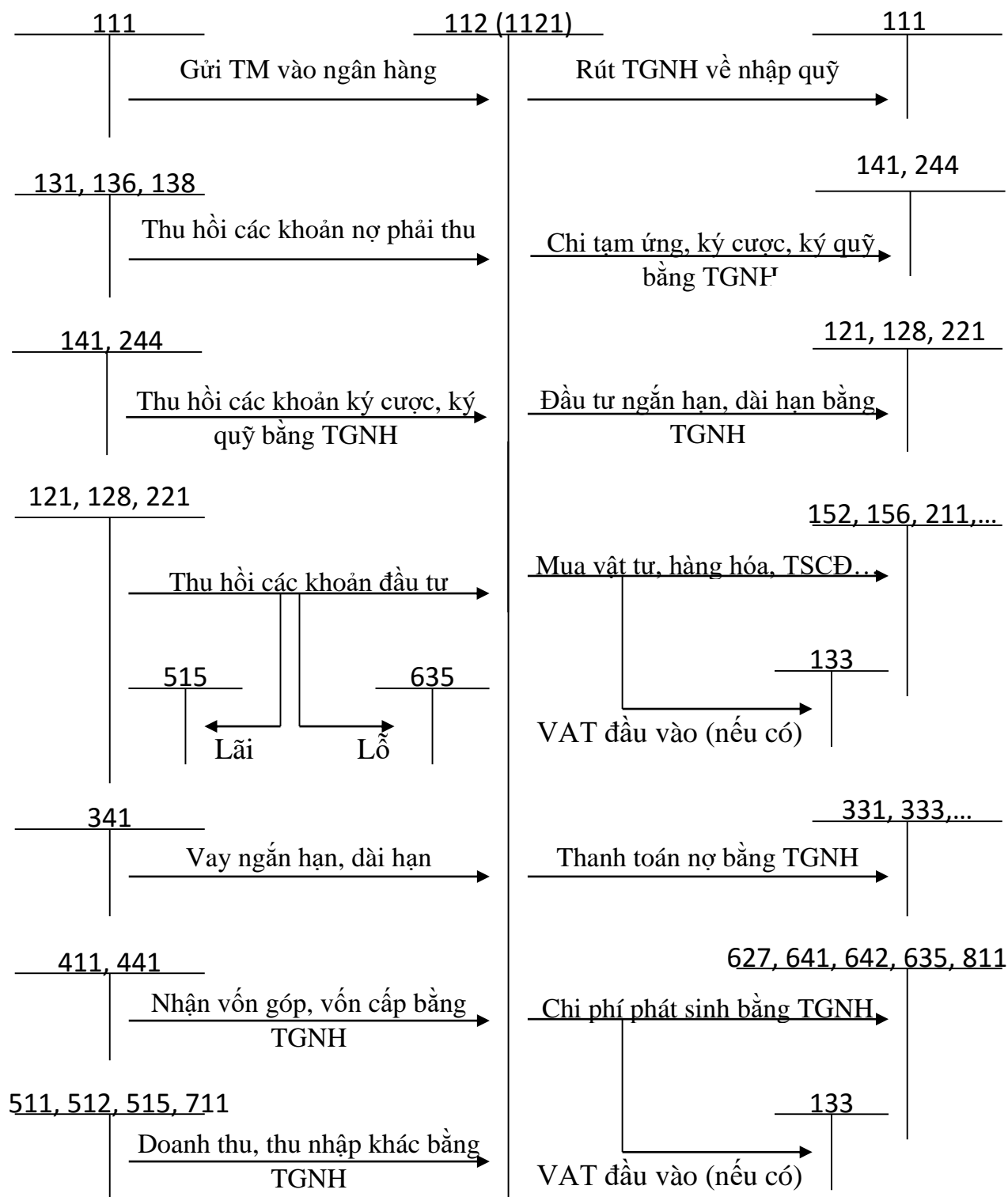
Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ hiện còn gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

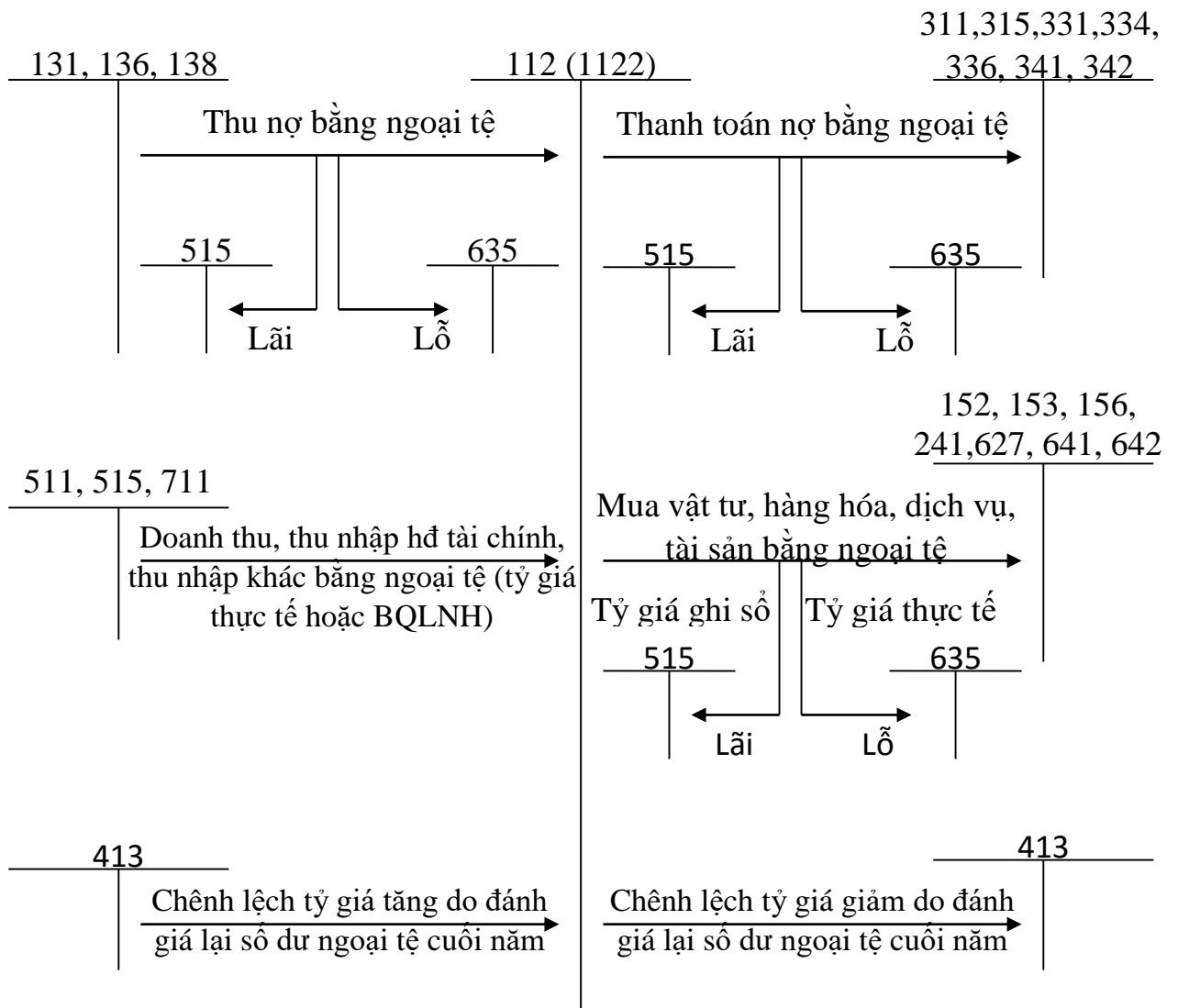
Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam*: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.
- *Tài khoản 1122 - Ngoại tệ*: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- *Tài khoản 1123 - Vàng tiền tệ*: Phản ánh tình hình biến động và giá trị vàng tiền tệ của doanh nghiệp đang gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.3, 1.4 sau:

Sơ đồ 1.3: KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (VND)

Sơ đồ 1.4: KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (NGOẠI TỆ)

1.2.3. Kế toán tiền đang chuyển:**1.2.3.1. Nội dung kế toán tiền đang chuyển:**

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhà nước hoặc gửi vào bưu điện để chuyển vào ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho các đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc nhà nước)

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng:

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tài khoản 113 – “tiền đang chuyển”.

Nội dung và kết cấu của tài khoản này:

- Bên Nợ:
 - Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có;
 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ là tiền đang chuyển tại thời điểm báo cáo.
- Bên Có:
 - Số tiền kết chuyển vào tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ là tiền đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

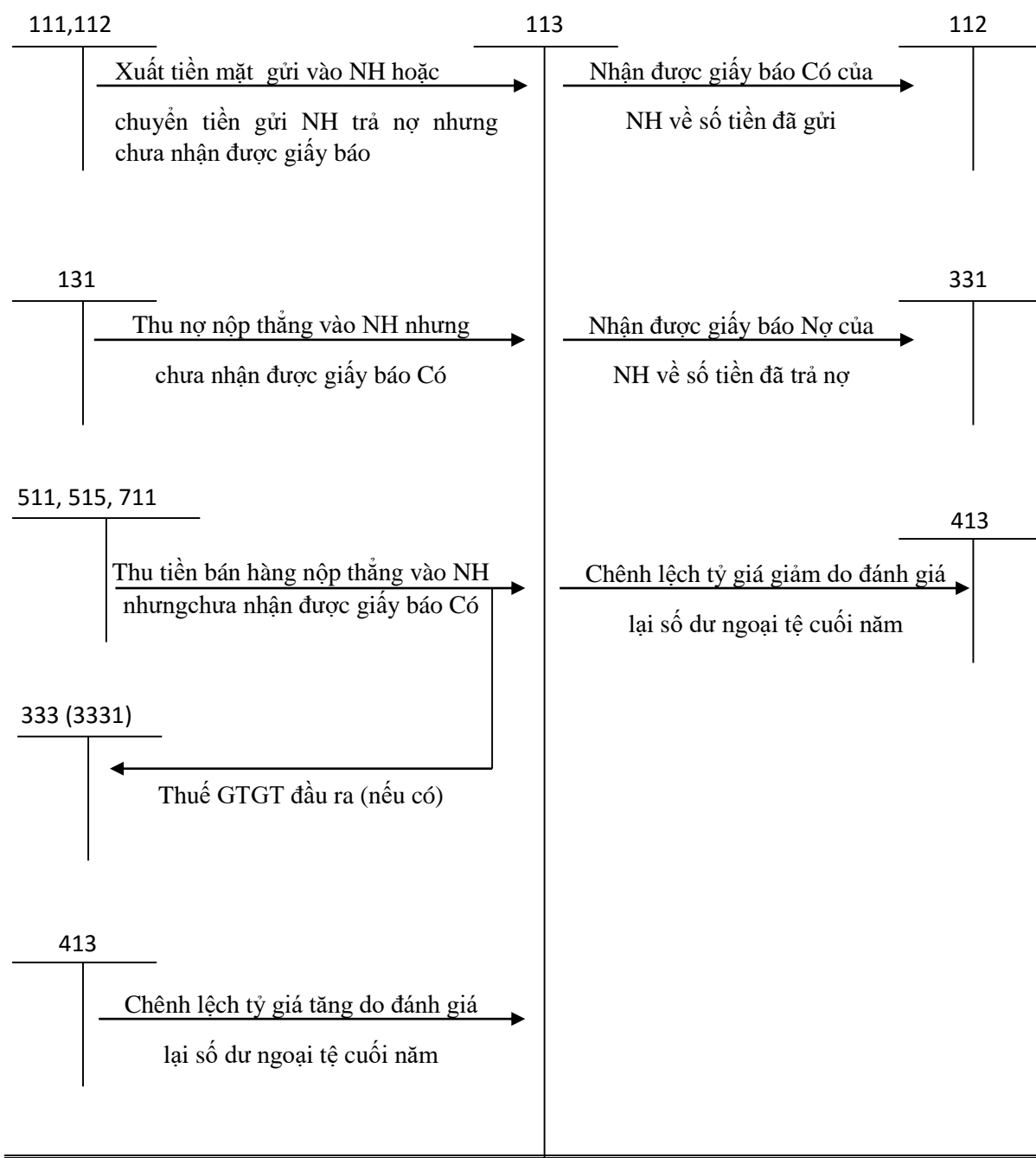
- Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1131 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.

- Tài khoản 1132 - Ngoại tệ: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán: được thể hiện qua sơ đồ:

Sơ đồ 1.5: KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

Mỗi doanh nghiệp khi tiến hành hạch toán đều thực hiện một hình thức chế độ sổ kế toán nhất định cho một liên độ kế toán xác định và phải thực hiện. Việc mở sổ và ghi sổ kế toán phải đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời chính xác, trung thực, liên tục có hệ thống tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý tài sản, tình hình sử dụng nguồn vốn của các doanh nghiệp, nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp

Sổ kế toán được mở theo từng niên độ kế toán. Ngay sau khi có quyết định thành lập, khi bắt đầu niên độ kế toán doanh nghiệp phải mở sổ kế toán mới. Giám đốc và kế toán trưởng có trách nhiệm duyệt các loại sổ này trước khi sử dụng.

Số liệu trên sổ kế toán phải rõ ràng, liên tục có hệ thống không xen kẽ, ghi chồng đè, không được bỏ cách dòng, nếu có dòng không ghi hết phải gạch bỏ chỗ thừa. Khi hết trang sổ phải cộng số liệu tổng cộng của mỗi trang đồng thời phải chuyển số tổng cộng này sang đầu trang kế tiếp.

Theo thông tư số 200 có hiệu lực ngày 5/2/2015 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015. Doanh nghiệp được tự xây dựng biểu mẫu kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch đầy đủ. Trường hợp không tự xây dựng có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo phụ lục 04 ban hành theo thông tư 200 theo một trong năm hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức nhật ký sổ cái
- Hình thức chứng từ ghi sổ
- Hình thức nhật ký chứng từ
- Hình thức nhật ký chung
- Hình thức kế toán máy
- Hình thức nhật ký sổ cái:

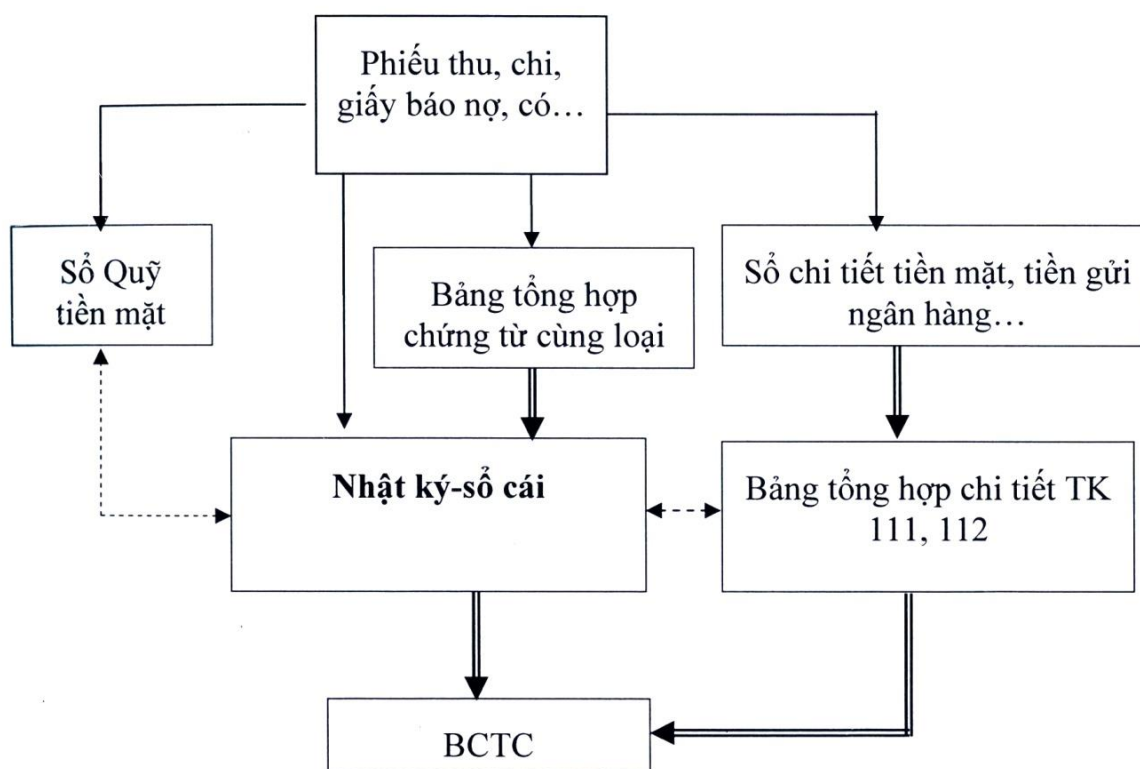
Đặc điểm chủ yếu: Hình thức sổ kế toán Nhật ký- Sổ cái có đặc điểm chủ yếu là mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi sổ theo thứ tự thời gian kết hợp với việc phân loại theo hệ thống vào sổ Nhật ký – Sổ cái

Hệ thống sổ bao gồm:

- Sổ kế toán tổng hợp: sử dụng duy nhất 1 sổ là sổ Nhật ký – Sổ cái.
- Sổ kế toán chi tiết: Bao gồm sổ chi tiết TSCĐ, vật liệu thành phẩm tùy thuộc vào đặc điểm yêu cầu quản lý đối với từng đối tượng cần hạch toán chi tiết mà kết cấu, mỗi sổ kế toán chi tiết ở mỗi doanh nghiệp đều có thể khác nhau
- Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:
 - + Ưu điểm: dễ ghi chép, dễ đối chiếu kiểm tra số liệu.
 - + Nhược điểm: khó phân công lao động, khó áp dụng phương tiện kỹ thuật tính toán, đặc biệt nếu doanh nghiệp sử dụng nhiều tài khoản, khối lượng phát sinh lớn thì Nhật ký – Sổ cái sẽ cồng kềnh, phức tạp.
 - + Phạm vi sử dụng: Trong các doanh nghiệp quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít và sử dụng ít tài khoản như các doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức

Nhật ký- Sổ cái



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng
 - ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

• Hình thức chứng từ ghi sổ:

Đặc điểm chủ yếu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được phân loại để lập chứng từ ghi sổ khi ghi vào sổ kế toán tổng hợp. Trong hình thức này việc ghi sổ kế toán theo thứ tự thời gian tách rời với việc ghi sổ kế toán theo hệ thống trên 2 loại sổ kế toán tổng hợp khác nhau là sổ đăng ký CT – GS và sổ cái các tài khoản.

Hệ thống sổ kế toán:

- Sổ kế toán tổng hợp: Gồm sổ đăng ký CT – GS và sổ cái các tài khoản.

- Sổ kế toán chi tiết: tương tự trong NK – SC

- Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:

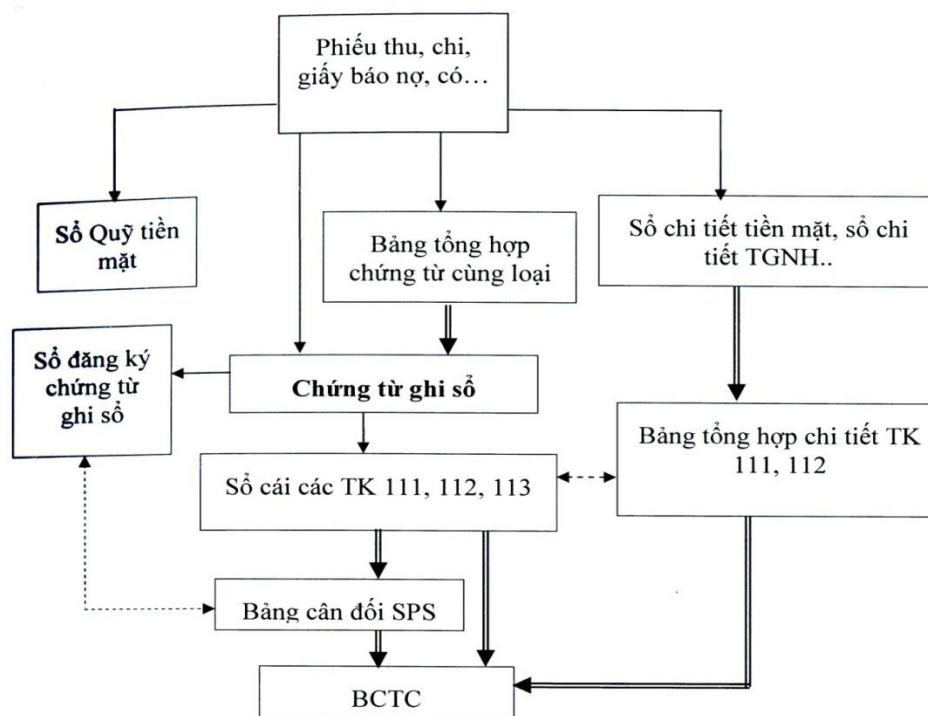
+ Ưu điểm: Dễ ghi chép do mẫu sổ đơn giản để kiểm tra đối chiếu, thuận tiện trong việc phân công công tác và cơ giới hóa công tác kế toán.

+ Nhược điểm: Ghi chép còn trùng lặp, việc kiểm tra đối chiếu thường bị chậm.

+ Phạm vi sử dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức

Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- - - - -> Quan hệ đối chiếu

• Hình thức nhật ký chứng từ:

Đặc điểm chủ yếu: Kết hợp giữa việc ghi chép theo thứ tự thời gian với việc ghi sổ theo hệ thống, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, giữa việc ghi chép hằng ngày với việc tổng hợp số liệu báo cáo cuối tháng.

Hệ thống sổ kế toán:

- Sổ kế toán tổng hợp: Các nhật ký chứng từ, các bảng kê.

- Sổ kế toán chi tiết: Ngoài các sổ kế toán chi tiết sử dụng như trong 2 hình thức trên (CT – GS và NK – SC) còn sử dụng các bảng phân bổ.

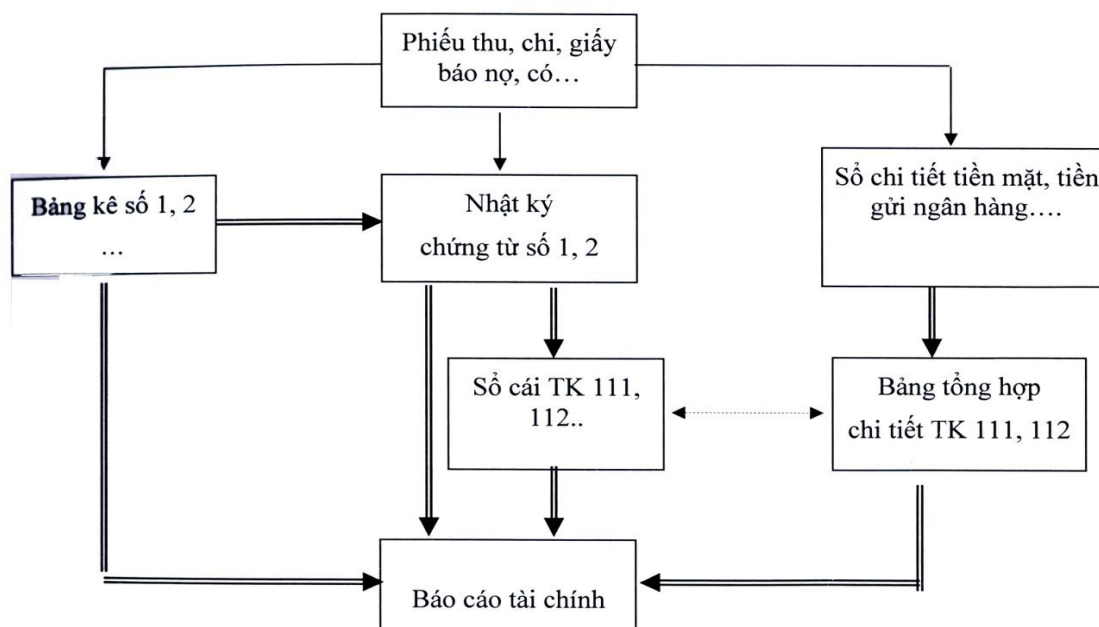
- Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:

+ Ưu điểm: Giảm bớt khối lượng ghi chép, cung cấp thông tin kịp thời thuận tiện cho việc phân công công tác.

+ Nhược điểm: Kết cấu sổ phức tạp, ko thuận tiện cho cơ giới hóa

+ Phạm vi sử dụng: Ở các doanh nghiệp có quy mô lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, trình độ nghiệp vụ của kế toán vững vàng.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức nhật ký chứng từ



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu

• **Hình thức nhật ký chung:**

Đặc điểm chủ yếu: các nghiệp vụ kinh tế được phát sinh vào chứng từ gốc để ghi sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian và nội dung nghiệp vụ kinh tế phản ánh đúng mối quan hệ khách quan giữa các đối tượng kế toán (quan hệ đối ứng giữa các tài khoản) rồi ghi vào sổ cái.

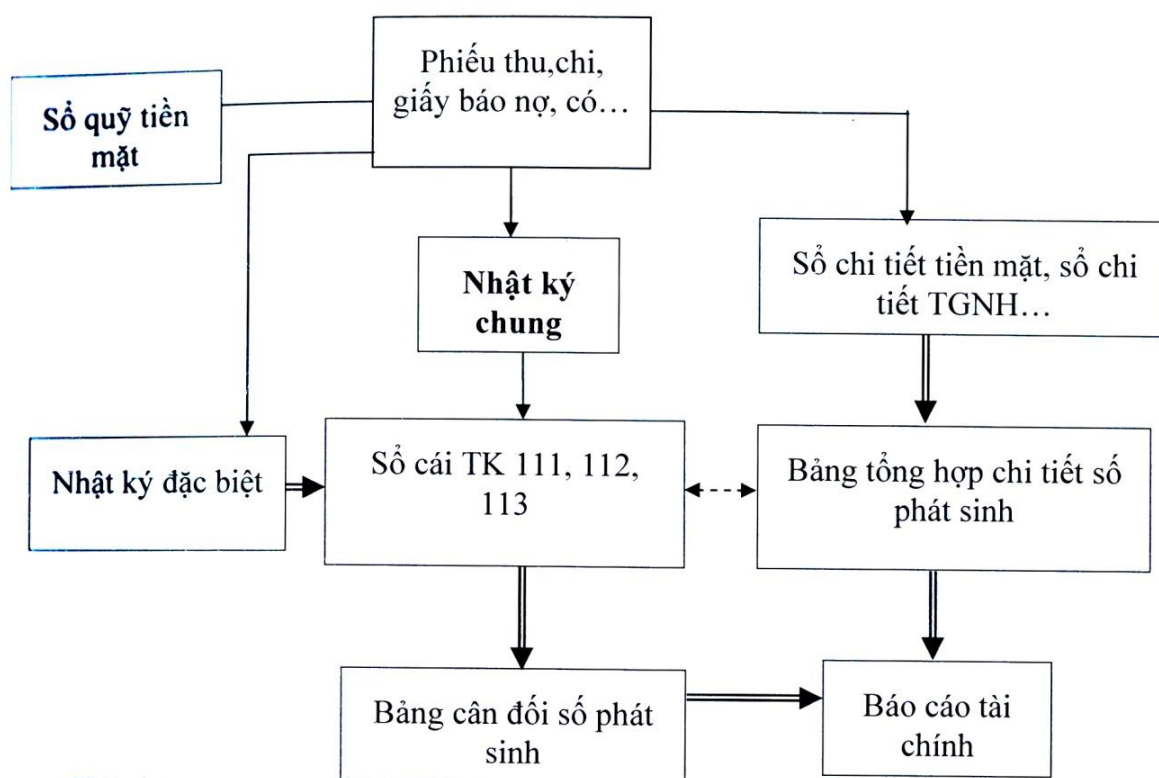
Hệ thống sổ:

+ Sổ kế toán tổng hợp: Sổ nhật ký chung, các sổ nhật ký chuyên dùng, sổ cái các tài khoản (111.112.113)

+ Sổ kế toán chi tiết: tương tự như các hình thức trên.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức

Nhật ký chung



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- > Quan hệ đối chiếu

• Hình thức kế toán máy:

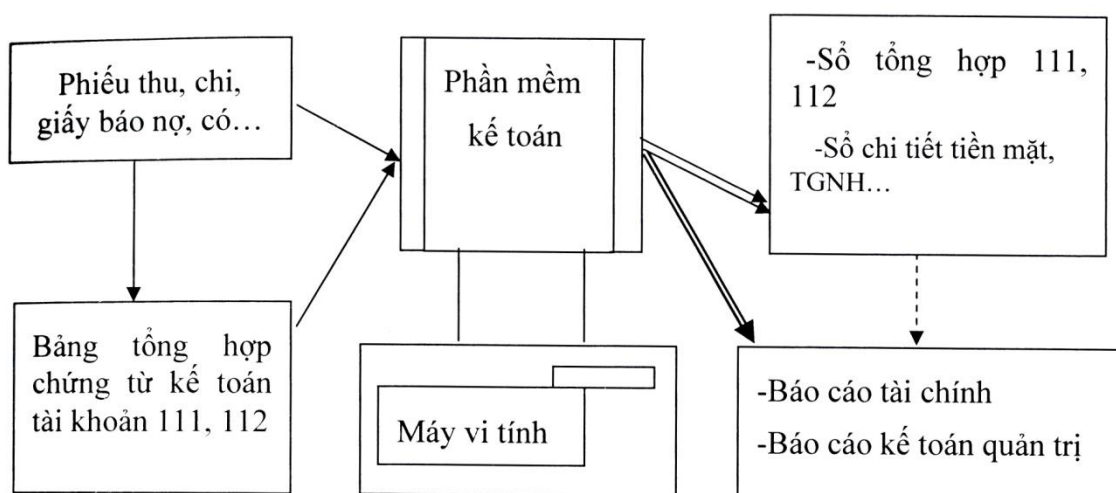
Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại để kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, có để nhập dữ liệu vào máy tính. Theo quy định của phần mềm, các thông tin được tự động nhập vào các bảng tổng hợp và các sổ thẻ chi tiết liên quan.

Cuối tháng, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính

Việc đối chiếu giữa sổ chi tiết và sổ tổng hợp luôn được đảm bảo chính xác và trung thực theo thông tin được nhập trong kỳ. Kế toán có thể đối chiếu, kiểm tra sau khi đã in ra giấy

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp được in ra giấy và đóng thành quyển, và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của sổ kế toán nghi bằng tay.

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán máy:



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI
CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III****2.1. Khái quát chung về công ty:****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty****2.1.1.1. Tên, địa chỉ doanh nghiệp**

- Tên công ty: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III

- Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: PETROLIMEX HAIPHONG CO.,
LTD

- Tên viết tắt là: PETROLIMEX HAIPHONG

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 – Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng – Việt
Nam.

- Điện thoại: 031.3850632 Fax: 031.3850333

- Email: petrolimexhp@xdkv3.com.vn

- Website: <http://kv3.petrolimex.com.vn>

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 0200120833 theo Quyết định số 0100107370 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05/05/1995.

- Vốn điều lệ: 76.000.000.000^d

- Tên người đại diện: Ông Trần Minh Đức – Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám
đốc công ty

2.1.1.2. Sự thành lập và các mốc quan trọng của sự phát triển

Công ty Xăng dầu Khu vực III tiền thân là Tổng kho xăng dầu mỡ Thượng Lý Hải Phòng được thành lập ngày 29/7/1955 theo quyết định số 1566 UBQC/HP của Chủ tịch uỷ ban quân chính thành phố Hải Phòng và được thành lập lại theo quyết định số 349/TM/TCCB ngày 31/3/1993 của Bộ Thương Mại, đăng ký kinh doanh số 108123 ngày 10/5/1993 do Trọng tài kinh tế Hải Phòng cấp. Công ty Xăng dầu Khu vực III là một trong những đơn vị đầu tiên đặt nền móng cho việc hình thành nên Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

Công ty có chức năng tiếp nhận, bảo quản, cung ứng các loại xăng, dầu, gas, dầu mỡ nhờn và các sản phẩm hóa dầu cho các ngành kinh tế, an ninh quốc phòng và tiêu dùng của nhân dân thành phố Hải Phòng. Trong chặng đường 60 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã đóng góp thành tích lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước với nhiều tấm gương tiêu biểu trong chiến đấu và sản xuất. Ngày nay Công ty đang trên đà đổi mới, phát triển, ứng dụng thành tựu khoa học và kỹ thuật, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị cung ứng xăng dầu, công nghệ quản lý, mở rộng mạng lưới cửa hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo nguồn xăng dầu cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng và khu vực, xứng đáng là hình ảnh tiêu biểu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam tại Hải Phòng

Trong quá trình 60 năm hoạt động của mình, với nhiều thành tích đóng góp cho đất nước, Công ty Xăng dầu Khu vực III được Đảng và Nhà nước tặng thưởng: Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân, Huân chương Độc lập hạng Nhì, hạng Ba, Huân chương Chiến công hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; nhiều bằng khen của Chính phủ, của cấp Bộ Ngành và bằng khen của UBND thành phố Hải Phòng. Nhiều cá nhân, tập thể của Công ty đã được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, bằng khen của Nhà nước và thành phố. Được các khách hàng tin cậy.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty

Công ty xăng dầu khu vực III Hải phòng là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty xăng dầu Việt nam (*Petrolimex - Bộ Thương mại*). Công ty mới tiến hành cổ phần hóa chuyên mô hình sản xuất thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trực thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, có chức năng: Tổ chức kinh doanh, đảm bảo thỏa mãn các loại xăng dầu và dịch vụ xăng dầu cho các đơn vị kinh tế, quốc phòng và tiêu dùng xã hội trên địa bàn Hải phòng và khu vực, theo nguyên tắc kinh doanh có lãi, thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách với nhà nước, hoạt động kinh doanh theo luật pháp nhà nước đồng thời không ngừng nâng cao phúc lợi và đời sống của cán bộ công nhân viên trong toàn công ty, quan tâm làm tốt công tác XH và từ thiện;

Xây dựng công ty ngày càng phát triển. Công ty được xác định là đại diện duy nhất của Tổng công ty xăng dầu Việt Nam (*PETROLIMEX*) tại Hải Phòng và khu vực, có nhiệm vụ cụ thể là:

1) Nắm nhu cầu, lên cân đối, xây dựng kế hoạch tiếp nhận và tổ chức kinh doanh có hiệu quả các mặt hàng xăng dầu, hơi đốt... thỏa mãn nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của xã hội theo cơ chế thị trường có điều tiết, đảm bảo bình ổn về giá xăng dầu trên thị trường khu vực trong từng giai đoạn theo quy định của nhà nước.

2) Mở rộng và phát triển kinh doanh dịch vụ một số mặt hàng khác mang tính chất kinh doanh phụ và dịch vụ chuyên ngành, bao gồm: Tiếp nhận, giữ hộ, bảo quản, bơm rót, vận chuyển, bao thầu, uỷ thác, tái sinh, pha chế, thay dầu, rửa xe và các dịch vụ kỹ thuật mang tính chất chuyên ngành khác.

3) Tổ chức hạch toán quản lý và kinh doanh có lãi trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn được giao. Thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước.

4) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng và đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật đồng thời mở rộng mạng lưới bán lẻ phục vụ có hiệu quả cho công tác kinh doanh và thỏa mãn tốt nhất mọi nhu cầu xăng dầu cho xã hội.

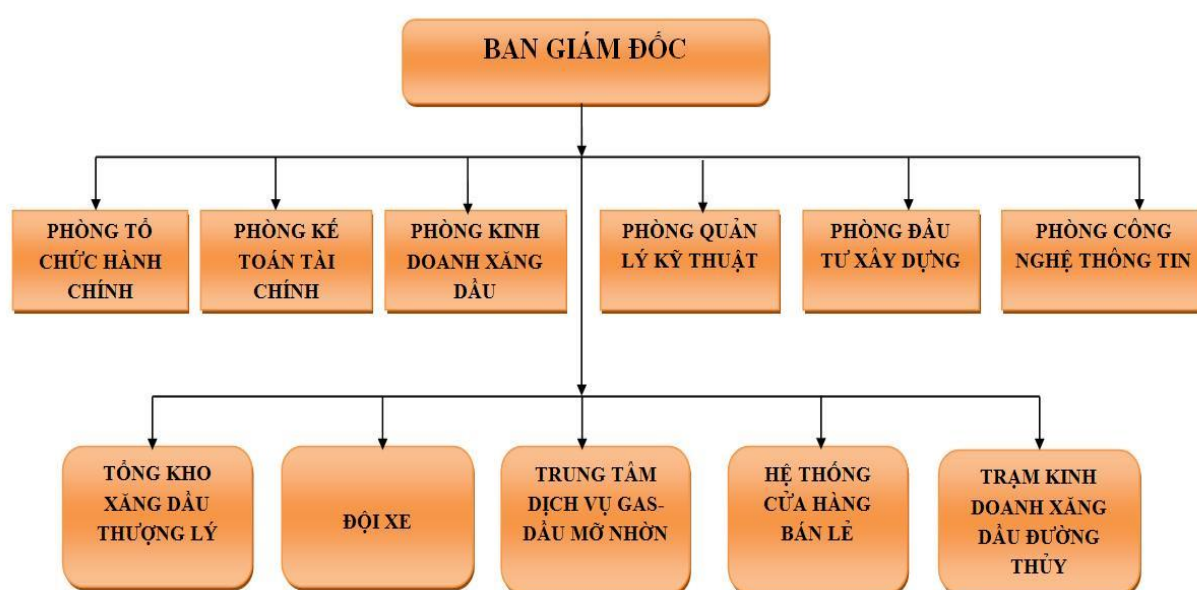
5) Bảo đảm an toàn sản xuất, hàng hoá, con người, bảo vệ môi sinh môi trường. Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong địa bàn và khu vực, làm tròn nghĩa vụ quốc phòng.

6) Quản lý và sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật một cách hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả. Thực hiện phân phối kết quả sản xuất kinh doanh cho người lao động đúng chế độ, chính sách. Chăm lo cải thiện đời sống vật chất tinh thần và điều kiện làm việc cho người lao động. Đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ CBCNV trưởng thành về mọi mặt nhằm không ngừng nâng cao trình độ quản lý, trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật và chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ kinh doanh và phát triển trong cơ chế mới.

2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao, bộ máy tổ chức quản lý và theo đó là nhiệm vụ của các bộ phận luôn được công ty quan tâm xây dựng và đổi mới phù hợp với đặc điểm quản lý, hoạch toán kinh doanh của tập đoàn nhằm khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng và thế mạnh của đơn vị. Hiện nay bộ máy tổ chức quản lý của công ty được xây dựng và tổ chức theo kiểu trực tham mưu, được phân công rõ, cụ thể trách nhiệm và quyền hạn như sau:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty xăng dầu khu vực III



(Nguồn phòng TCCB-LĐTL công ty xăng dầu khu vực III)

Trong đó:

a. Ban giám đốc

- Chủ tịch kiêm giám đốc công ty:

Phụ trách chung, lãnh đạo, quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực công tác sau:

+/ Công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương; công tác thi đua khen thưởng; công tác đào tạo; bảo hộ lao động.

+/ Công tác tài chính kế toán

+/ Công tác sản xuất kinh doanh (kinh doanh xăng dầu, dịch vụ.): quyết định mục tiêu, kế hoạch, phương án, phương thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, cơ chế kinh doanh

+/ Quyết định các chủ trương đầu tư, xây dựng cơ bản, hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật.

+/ Chỉ đạo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, công tác phòng chống tham nhũng trong nội bộ công ty.

- Phó giám đốc nội chính:

+/ Phụ trách và chỉ đạo, triển khai công tác đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật sau khi đã có quyết định về chủ trương đầu tư, xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, quản lý, sử dụng đất đai.

+/ Phụ trách và chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ; bảo vệ an ninh kinh tế; quân sự (Tự vệ); công tác thanh tra; công tác hành chính quản trị; công tác an toàn lao động; chăm sóc sức khỏe BHXH, bảo hiểm con người và giải quyết chế độ đối với người lao động.

+/ Chỉ đạo xây dựng các quy trình, quy phạm, nội quy, quy chế, tiêu chuẩn định mức kỹ thuật phục vụ cho công tác quản lý trong công ty có hiệu quả theo quy định của pháp luật, cấp trên thuộc lĩnh vực phụ trách.

+/ Chỉ đạo việc lập các báo cáo theo yêu cầu, quy định hoặc đột xuất trong lĩnh vực công tác phụ trách để báo cáo cấp có thẩm quyền hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch kiêm giám đốc công ty.

+/ Điều hành hoạt động của công ty khi đồng chí Chủ tịch kiêm giám đốc công ty đi công tác vắng

- Phó giám đốc kỹ thuật

Phụ trách và chỉ đạo, triển khai sau khi đã có quyết định về chủ trương các mặt công tác sau:

+/ Công tác bảo đảm kỹ thuật (sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp) máy móc, trang thiết bị, phương tiện, hệ thống điện phục vụ sản xuất và kinh doanh an toàn.

+/ Công tác quản lý hao hụt, phẩm chất, đo lường xăng dầu.

+/ Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất; ứng dụng khoa học công nghệ, tin học tự động hóa vào sản xuất kinh doanh

+/ Công tác bảo hiểm tài sản, hàng hóa; công tác an toàn PCCC, an toàn môi trường và công tác phòng chống thiên tai lũ lụt

+/ Chỉ đạo nghiên cứu xây dựng phương án, kế hoạch hằng năm hoặc trong từng thời kỳ về các lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

+/ Điều hành công ty khi đồng chí Chủ tịch kiêm giám đốc công ty, đồng chí phó giám đốc nội chính đi công tác vắng.

b. Các phòng ban

- Phòng tổ chức hành chính:

Tổ chức cán bộ và lao động: Thực hiện công tác tổng hợp, hành chính, văn thư, lưu trữ, tiếp nhận, phân loại văn bản đi và đến, tham mưu cho ban giám đốc xử trí các văn bản hành chính nhanh chóng, kịp thời, quản lý con dấu, chữ ký theo quy định, cấp giấy công tác, giấy giới thiệu, sao lục các văn bản ban hành và văn bản của cấp trên theo quy định của giám đốc ... xem xét thực hiện các chính sách tuyển dụng, khen thưởng, khiển trách, sa thải đối với công nhân viên. Đề xuất, tham mưu với ban giám đốc về việc bố trí cán bộ nhân viên cho những vị trí thích hợp.

- Phòng kinh doanh xăng dầu

Tổ chức quản lý KDXD theo đúng chủ chương của tập đoàn của chủ tịch kiêm giám đốc công ty có trách nhiệm giải quyết các mối quan hệ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Giải quyết các mối quan hệ đối nội, đối ngoại trong lĩnh vực KDXD mà lãnh đạo công ty phân công cho phòng. Cân đối cung cầu đều tham mưu cho giám đốc về việc bán, nhập, gửi những đơn hàng. Trực tiếp xây dựng phương án kinh doanh xăng dầu, giá cả, hợp đồng kinh tế. Trực tiếp giải quyết việc bán hàng liên quan đến công nợ khách hàng.

- Phòng quản lý kỹ thuật:

Tổ chức quản lý công tác QLKT theo đúng chủ trương của tập đoàn và của chủ tịch kiêm giám đốc công ty. Trực tiếp theo dõi chỉ đạo, đề xuất phương án thực hiện chức năng nhiệm vụ của phòng kiểm tra và ký nháy các quyết định

công tác QLKT cũng như chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn PCCC, bảo vệ môi trường.

- Phòng đầu tư xây dựng:

Tham mưu cho lãnh đạo và quản lý, hướng dẫn nhiệm vụ, triển khai thực hiện công tác đầu tư, xây dựng phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, sử dụng đất đai theo đúng quy định của nhà nước, Tập đoàn, công ty phù hợp và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, phát triển công ty trong từng năm, từng giai đoạn.

- Phòng tài chính kế toán:

Tham mưu giúp việc cho giám đốc giám sát, quản lý điều hành tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty. Hướng dẫn kiểm tra các phòng ban, các đơn vị trực thuộc thực hiện mọi quy định của nhà nước về hạch toán, kế toán. Ghi chép sổ sách thống kê ban đầu, đảm bảo thông tin bằng số liệu đầy đủ, trung thực, chính xác kịp thời. Thu nhận, xử lý và cung cấp toàn bộ thông tin về tài sản, vật tư, tiền vốn và sự vận động của chúng cho giám đốc; Đồng thời kiểm tra giám sát và hướng dẫn toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty theo đúng pháp luật của nhà nước. Ghi chép, tính toán phản ánh chính xác, đầy đủ, trung thực kịp thời, liên tục và có hệ thống tài sản, vật tư, vốn hiện có cũng như tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, vốn và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin kinh tế cho việc điều hành sản xuất kinh doanh, tổng hợp phân tích các hoạt động kinh tế, tài chính, cho các công tác thống kê và thông tin kinh tế các cấp. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và thu nhận kịp thời đầy đủ toàn bộ chứng từ kế toán của công ty. Hướng dẫn các bộ phận liên quan thực hiện tốt chế độ ghi chép, thống kê, luân chuyển chứng từ và các nhiệm vụ kế toán. Cấp phát cho các đơn vị sử dụng hóa đơn đến khi thu hồi, đối chiếu quyết toán và giao nộp theo quy định của cục thuế TP Hải Phòng.

- Phòng công nghệ thông tin:

Chủ động đề xuất và tổ chức áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin, ngăn ngừa các nguồn gốc có thể làm phát sinh, tiếp nhận, xác định nguyên nhân, đưa ra các biện pháp và tổ chức khắc phục sự cố gây mất an toàn thông tin

và các sự cố kỹ thuật khác. Có trách nhiệm đề xuất, tham mưu với chủ tịch kiêm giám đốc áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn hệ thống mạng, kiểm soát kết nối trực tiếp từ Internet với mạng, an toàn truy cập Internet cho người sử dụng. Xây dựng phương án, tham mưu với chủ tịch kiêm giám đốc về kế hoạch đầu tư phát triển CNTT của công ty trong năm.

- Tổng kho xăng dầu:

Phụ trách việc nhập hàng qua hệ thống bơm tuyến và hệ thống tàu thủy vào bể dự trữ tại tổng kho. Phụ trách việc bơm xuất hàng cho khách hàng đến lấy hàng và nội bộ công ty xuất cho các cửa hàng nội bộ công ty. Quản lý tồn kho, ghi thẻ bể dầu vào cuối ngày.

Phụ trách bộ phận hóa nghiệm (kiểm tra tiêu chuẩn của các mẫu xăng, pha chế mẫu xăng...) và bộ phận phòng cháy chữa cháy của công ty.

- TTGas-DMN:

Phụ trách chung, chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty về hoạt động kinh doanh gas, dầu mỡ nhờn, sơn, bảo hiểm của toàn công ty. Chịu trách nhiệm kiểm tra, chỉ đạo và hướng dẫn mọi hoạt động kinh doanh gas, dầu mỡ nhờn, sơn, bảo hiểm của các đơn vị trực thuộc và tại văn phòng trung tâm.

- Cửa hàng vật tư:

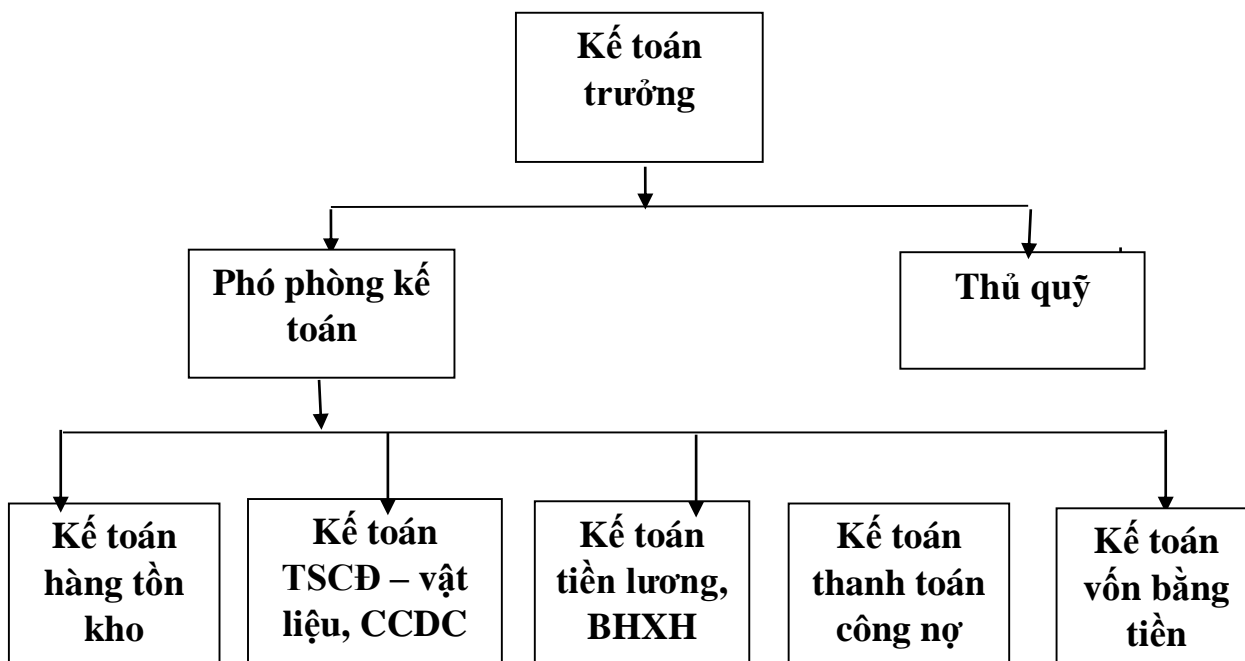
Quản lý tồn kho, nhập xuất nội bộ công ty và kinh doanh các loại vật tư, phụ kiện liên quan đến xăng dầu như: máy xuất xăng dầu, đồng hồ đo xăng dầu, máy bơm, thiết bị ô tô xitec...

- Đội xe:

Lập kế hoạch điều tra xe và điều phương tiện ứng với đơn hàng mà phòng kinh doanh đưa ra và khách hàng khi có nhu cầu.

- Khối của hàng bán lẻ xăng dầu:

Nhập xuất nội bộ xăng dầu, gas, DMN... từ tổng kho về tại cửa hàng phục vụ việc bán lẻ đến người tiêu dùng. Cửa hàng trưởng chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty về việc quản lý tồn kho, nhập xuất dầu, tiền hàng bán ra và CBCNV tại cửa hàng mình phụ trách.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán:**2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:****Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán ở công ty xăng dầu khu vực III**

Nhiệm vụ của phòng kế toán là thực hiện các hoạt động quản lý nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách theo quy định của chế độ. Đồng thời, phòng kế toán còn cung cấp thông tin về tình hình tài chính của công ty một cách chính xác nhất, từ đó tham mưu cho ban giám đốc để đề ra các biện pháp phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

- Kế toán trưởng: Tổ chức và điều hành toàn bộ hệ thống kế toán và tham mưu cho Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh. Thuyết minh, phân tích kết quả kinh doanh để giúp ban giám đốc ra quyết định và có biện pháp đúng đắn trong sản xuất kinh doanh. Đồng thời, kế toán trưởng còn phụ trách thực hiện quyết toán thuế với nhà nước, lập báo cáo tài chính

- Phó phòng kế toán: Trực tiếp phụ trách công tác thống kê với kế toán trưởng chỉ đạo các hoạt động của phòng tài chính kế toán.

- Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm quản lý và nhập xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ

tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

- Kế toán hàng tồn kho: Quản lý kiểm kê tình hình nhập – xuất – tồn của hàng hóa trong kho

- Kế toán TSCĐ – vật liệu, CCDC: Quản lý, kiểm kê, đánh giá TSCĐ của doanh nghiệp. Trích khấu hao tài sản cố định. Mở sổ theo dõi tình hình biến động TSCĐ. Ghi chép, phản ánh các số liệu tình hình nhập – xuất – tồn và mở sổ theo dõi vật tư, CCDC.

- Kế toán tiền lương, BHXH: hàng tháng căn cứ vào kết quả hoạt động của các phòng ban bộ phận và đơn giá tiền lương, hệ số cấp bậc của từng người lao động để tính thu nhập cho từng người. Tính tổng tiền lương, các khoản thu nhập khác của cán bộ công nhân viên chức và phân bổ cho các đối tượng sử dụng. Tính và trích các khoản phải nộp theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN).

- Kế toán thanh toán công nợ: Làm nhiệm vụ ghi chép, theo dõi tình hình nợ của công ty. Xác định các khoản phải trả nợ ngắn hạn, dài hạn, các công nợ của công ty khác đối với công ty mình. Kiểm nhiệm đòi nợ cho công ty.

- Kế toán vốn bằng tiền: Xử lý các phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền của công ty, gồm tính toán số liệu, xem xét chứng từ đủ điều kiện, đúng hay sai. Sau khi xem xét hợp lý kế toán định khoản và hạch toán trên sổ.

2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty:

Công tác kế toán tại công ty được thực hiện theo đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của Tập đoàn.

Công ty áp dụng niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là: đồng Việt Nam (VNĐ).

Công ty áp dụng hệ thống kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Hình thức kế toán áp dụng: nhật ký chung

Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ

Phương pháp hạch toán HTK: phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

Khấu hao tài sản cố định theo đường thẳng (tuyến tính), tính khấu hao từng ngày theo thông tư 45/2013/TT – BTC của Bộ tài chính.

2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán:

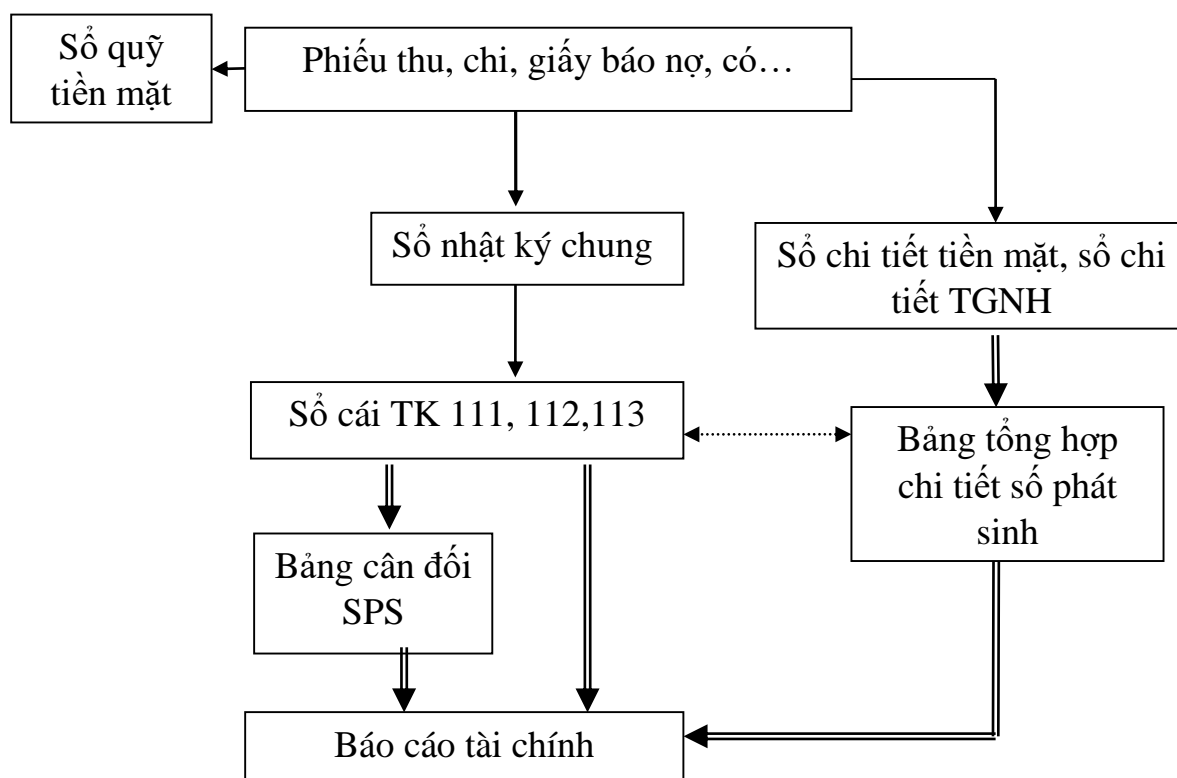
Căn cứ vào các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, các chế độ tài chính- kế toán hiện hành và đặc thù của doanh nghiệp. Công ty xăng dầu khu vực III áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản theo thông tư 200/2014/ TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty:

Công tác kế toán tại công ty được thực hiện tuân thủ theo đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của Tập đoàn.

Hình thức kế toán hiện nay được áp dụng ở công ty là hình thức nhật ký chung. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung ở phòng kế toán tài chính. Trình tự ghi sổ kế toán của hình thức nhật ký chung tại công ty được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tại công ty



Ghi chú

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối kỳ : \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu : \longleftrightarrow

- Quy trình hạch toán:

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ: phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi... trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để vào sổ cái các tài khoản phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ kế toán chi tiết thì cùng với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh còn được ghi vào sổ chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ nhật ký chung cùng kỳ.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tại công ty.

Báo cáo tài chính phải đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, số liệu phản ánh trung thực, chính xác, phục vụ đầy đủ và kịp thời.

Báo cáo định kỳ nhà nước Công ty phải nộp gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (B09 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 – DN)
- Các bảng kê khai thuế và nghĩa vụ thực hiện đối với nhà nước.

2.2. Thực trạng công tác vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ:

Tiền mặt tại Công ty là một yếu tố vốn bằng tiền cấu thành trên tài sản lưu động nhằm phục vụ nhu cầu kê khai thường xuyên tại công ty. Để phục vụ cho sản xuất kinh doanh, Công ty luôn cần một lượng tiền mặt. Số tiền mặt được ổn định ở một mức hợp lý nhất. Tiền mặt tại quỹ Công ty luôn được đảm bảo an toàn và thực hiện một cách triệt để đúng theo chế độ thu, chi quản lý tiền mặt.

Hiện nay, Công ty chỉ sử dụng loại tiền Việt Nam tại quỹ để thanh toán. Nhằm quản lý và hạch toán chính xác tiền mặt tại quỹ không để xảy ra tình trạng mất mát, thiếu hụt thì công tác quản lý tiền mặt tại quỹ ở DN đều tuân theo những nguyên tắc sau:

- Mọi khoản thu, chi Tiền mặt đều phải có chứng từ hợp lý, hợp pháp để chứng minh (như phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi...). Sau khi kiểm tra chứng từ hợp lệ thủ quỹ tiến hành thu hoặc chi tiền và giữ lại các chứng từ đã có chữ ký của người nộp tiền hoặc người nhận tiền.

- Việc quản lý Tiền mặt tại quỹ phải do thủ quỹ, giám đốc chỉ thị. Khi thủ quỹ có công tác đột xuất buộc phải vắng mặt ở nơi làm việc hoặc có sự thay đổi thủ quỹ thì phải có văn bản chính thức của Công ty. Khi bàn giao quỹ phải dứt khoát tiến hành kiểm kê, thủ quỹ tuyệt đối không được nhờ người khác làm thay, không được trực tiếp mua bán vật tư, hàng hóa của Công ty hay kiêm nhiệm công tác kế toán.

- Việc kiểm tra quỹ không chỉ tiến hành định kỳ mà còn phải thường xuyên tiến hành kiểm tra đột xuất nhằm ngăn chặn tình trạng vay mượn gây thất thoát công quỹ.

- Số tiền mặt trong quỹ luôn phải đúng với số liệu trong sổ quỹ. Mọi sai lệch đều phải tìm ra nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

2.2.1.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng:

• Chứng từ sử dụng:

Trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu thu, phiếu chi: căn cứ vào các chứng từ liên quan (Hóa đơn giá trị gia tăng, Đơn xin rút tiền, Giấy đề nghị thanh toán...), Kế toán nhập dữ liệu vào máy tính, phiếu chi. Các phiếu này khi đã được ghi đầy đủ nội dung, đính kèm với các chứng từ trên sẽ được chuyển lên giám đốc, trưởng phòng kế toán để ký duyệt. Cuối cùng chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ để xuất nhập quỹ.

Phiếu thu gồm 3 liên:

+ Liên 1: lưu tại phòng kế toán

+ Liên 2: giao cho người nộp

+ Liên 3: giao cho thủ quỹ

Phiếu chi gồm 2 liên:

+ Liên 1: lưu tại phòng kế toán

+ Liên 2: giao cho thủ quỹ

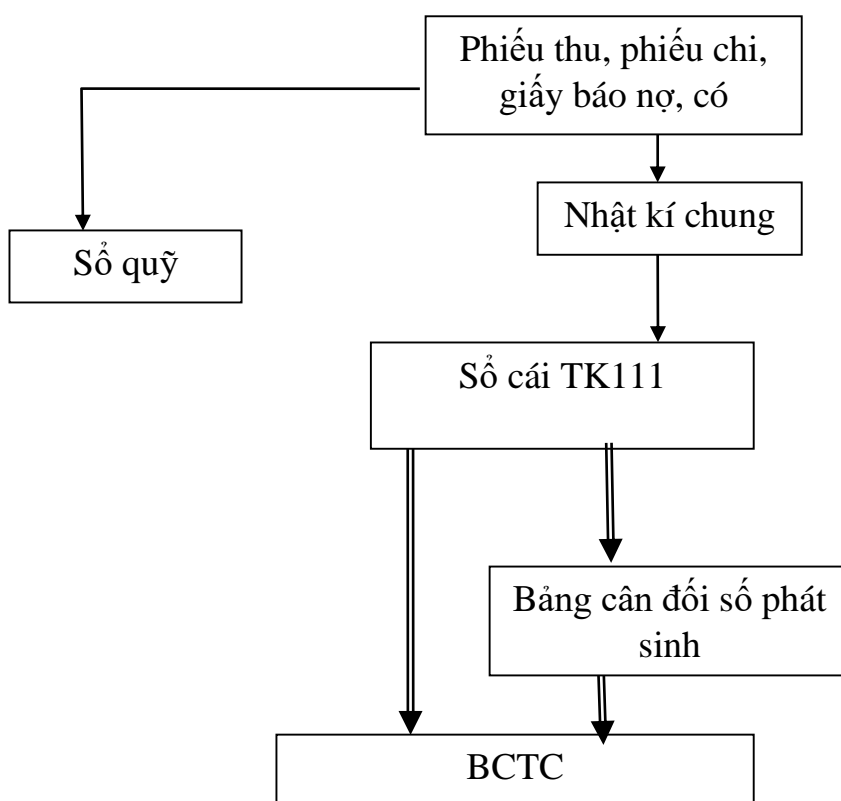
• Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 111 – “tiền mặt” để phản ánh tình hình thu chi tiền mặt tại công ty.

2.2.1.2. Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ công ty:

Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Công ty xăng dầu khu vực III được kế toán thực hiện theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Công ty xăng dầu khu vực III



Ghi chú

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối kỳ : ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <-.-.-.-.->

2.2.1.3. Một số ví dụ minh họa:

Trong tháng 12/2015, công ty phát sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt. Sau đây là một số nghiệp vụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 8/12/2015, công ty thanh toán cho ông An tiền chi tiếp khách số tiền 3.300.000 đ.

Cụ thể quy trình hạch toán chi tiền mặt tại quỹ của công ty xăng dầu khu vực III như sau:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 5711 (Biểu số 2.1) , Ông An nhân viên phòng kinh doanh gửi giấy đề nghị thanh toán (Biểu 2.2) đã được giám đốc phê duyệt lên phòng tài chính-kế toán với số tiền 3.300.000 đ.

Kế toán sau khi xem xét các giấy tờ liên quan, sau đó kế toán viết phiếu chi (Biểu số 2.3). Phiếu chi được chuyển cho thủ quỹ chi tiền, sau khi thủ quỹ chi tiền xong rồi chuyển cho kế toán để kế toán ghi sổ.

Căn cứ vào Phiếu chi và các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 642: 3.000.000

Nợ TK 133: 300.000

Có TK 111: 3.300.000

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung

Từ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 111 và sổ cái TK 133, 642.

Đồng thời thủ quỹ căn cứ vào Phiếu chi tiến hành vào Sổ quỹ tiền mặt. Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh để cuối năm lập Báo cáo tài chính

Ví dụ 2: Ngày 9/12/2012, công ty rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt số tiền 200.000.000 đ

Cụ thể quy trình hạch toán thu tiền mặt về quỹ tại công ty xăng dầu khu vực III như sau:

Sau khi đã được giám đốc phê duyệt lên phòng tài chính - kế toán rút số tiền 200.000.000 đ về nhập quỹ

Kế toán đến ngân hàng lập séc rút tiền và nhận giấy báo nợ (biểu số 2.4), kế toán viết phiếu thu (Biểu số 2.5). Kế toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)

Căn cứ vào Phiếu thu và các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 111: 200.000.000 đ

Có TK 112: 200.000.000 đ

Sau đó từ Nhật ký chung tiến hành vào Sổ Cái tài khoản 111 (Biểu số 2.7), TK 112. Phiếu thu được chuyển cho thủ quỹ, thủ quỹ căn cứ vào phiếu thu để thu tiền đồng thời ghi sổ quỹ (Biểu số 2.8)

Từ sổ cái tiền mặt kế toán sẽ vào bảng cân đối tài khoản để cuối năm lập Báo cáo tài chính

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÔNG VÀNG – CN HẢI PHÒNG Gian hàng L1 – 15B, Tầng 1 TTTM Vincom, Số 1 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng. ĐT: 0312299898 Fax: 0312296354		Mẫu số : 01 GTKT2/001 Ký hiệu : HL/15T Số HĐ: 0005711			
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho người mua Ngày: 08/12/2015					
Địa điểm bán hàng: Nhà hàng Cowboy Jack's – Vincom Hải Phòng Tên người mua: Nguyễn Văn An Tên đơn vị: Công ty xăng dầu khu vực III Địa chỉ: Số 1 – Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải phòng Mã số thuế: 0200120833 Hình thức TT: TM/CK Số tài khoản					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dịch vụ ăn uống				3.000.000
Cộng tiền hàng					3.000.000
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT					300.000
Tổng cộng tiền thanh toán					3.300.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 5711

Công ty xăng dầu khu vực III

Mẫu số 05-TT

Số 1- Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng – (Ban hành theo TT số 200/2014/ TT-BTC

Việt Nam

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

Giấy đề nghị thanh toán

Ngày 08 tháng 12 năm 2015

Kính gửi : Giám đốc công ty xăng dầu khu vực III

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Nguyễn Văn An

Bộ phận : phòng kinh doanh

Nội dung thanh toán: chi tiếp khách

Đề nghị thanh toán số tiền: 3.300.000 đ

(Viết bằng chữ): ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.

(Kèm theo ...1.... Chứng từ gốc):Hóa đơn GTGT 7511.....

Người đề nghị thanh toán

Kế toán trưởng

Người duyệt

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu số 2.2: Giấy đề nghị thanh toán

Đơn vị:.....	PHIẾU CHI	Quyển số:...12..	Mẫu số 02-TT
Bộ phận:...	Ngày 04 tháng 12 năm 2015	Số:...14/12...	(Ban hành theo
Mã đơn vị		Nợ TK 642	TT số 200/2014-
SDNS:		Nợ TK 133	TT-BTC ngày
		Có TK 111	22/12/2014 của
			Bộ trưởng BTC)

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Văn An.....

Địa chỉ:..... Phòng kinh doanh.....

Lý do chi:.....Chi tiếp khách.....

Số tiền :..... 3.300.000.....(Viết bằng chữ): Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./.....

Kèm theo:.....02.....Chứng từ gốc:..ĐGTGT5711, Giấy đề nghị thanh toán

Ngày 04 tháng 12 năm 2015

Giám đốc	Kế toán	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
	trưởng	phiếu	tiền	
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ):Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn/.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

Biểu số 2.3: Phiếu chi số 14/12

NGAN HÀNG VIETINBANK
Số Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

GIẤY BẢO NỢ
Ngày 09 – 12 – 2015

Số: 05/12

MA GDV: ĐINH THI TUYẾT MAI
MA KH: 1156
SỐ GD: 564

Kính gửi: CÔNG TY XANG DẦU KHU VỰC III

Mã số thuế: 0200120833

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã bảo NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 1204200861431

Số tiền bằng số: 200.000.000

Số tiền bằng chữ: HAI TRAM TRIEU DONG CHAN.

Nội dung: NGUYEN THI THUY RUT TIEN MAT.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.4: Giấy báo nợ số 05/12

Đơn vị:.....	PHIẾU THU	Quyển số:..12..	Mẫu số 01-TT
Bộ phận:.....		Số:....37/12...	(Ban hành theo TT
Mã đơn vị	Ngày 09 tháng 12 năm 2015	Nợ TK 111	số 200/2014-TT-BTC
SDNS:		Có TK 112	ngày 22/12/2014 của
			Bộ trưởng BTC)

Họ,tên người nộp tiền : Nguyễn Thị Thùy.....

Địa chỉ:..... Phòng Kế Toán.....

Lý do nộp:..... rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ.....

Số tiền :..... 200.000.000.....(Viết bằng chữ):... Hai trăm triệu đồng
chẵn./...

Kèm theo:.....02.....Chứng từ kế toán...séc rút tiền, GBN.....

Ngày 09 tháng 12 năm 2015

Giám đốc	Kế toán	Người lập phiếu	Người nộp	Thủ quỹ
	trưởng		tiền	
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đã nhận đủ số tiền: hai trăm triệu đồng chẵn./

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

Biểu số 2.5: Phiếu thu số 37/12

Đơn vị: Công ty xăng dầu khu vực III
Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu - Hồng Bàng - HP

Mẫu số: S03a – DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
08/12	PC 14/12	08/12	Chi tiếp khách	642	3.000.000	
				133	300.000	
				111		3.300.000
09/12	PT 37/12 GBN 05/12	09/12	Rút tiền gửi NH Vietinbank nhập quỹ tiền mặt	111	200.000.000	
				112		200.000.000
09/12	PT 38/12	09/12	Chị Linh phòng kinh doanh hoàn ứng	111	2.450.000	
				141		2.450.000
10/12	GBN 06/12	10/12	Trả lương cho công nhân viên tháng 11	334	997.578.000	
				112		997.578.000
10/12	PC 15/12	10/12	Chi mua văn phòng phẩm	642	1.125.000	
				133	112.500	
				111		1.237.500
10/12	GBC 07/12	10/12	Công ty cổ phần Huyền trang thanh toán tiền xăng A92	112	464.959.000	
				511		422.690.000
				333		42.269.000
					
31/12	GBC 28/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Vietinbank	112	1.061.214	
				515		1.061.214
					
			Cộng tổng số phát sinh		473.834.240.095	473.834.240.095

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.6: Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty xăng dầu khu vực III
Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu - Hồng Bàng - HP

Mẫu số: S03b – DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Tháng 12 năm: 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>50.520.997</u>	
			Số phát sinh trong kỳ			
					
06/12	PC 13/12	06/12	Tạm ứng cho chị Linh phòng kinh doanh đi công tác	141		10.000.000
08/12	PC 14/12	08/12	Chi tiếp khách	642		3.000.000
				133		300.000
09/12	PT 37/12	09/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	112	200.000.000	
09/12	PT 38/12	09/12	Chị Linh phòng kinh doanh hoàn ứng	141	2.450.000	
10/12	PC 15/12	10/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	642		1.125.000
				133		112.500
10/12	PC 16/12	10/12	Thanh toán tiền điện văn phòng tháng 11	642		6.589.485
				133		658.945
					
			Cộng số phát sinh trong kỳ		2.160.154.216	2.165.031.213
			Số dư cuối kỳ		<u>45.644.000</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Sổ cái tiền mặt

Đơn vị: Công ty xăng dầu khu vực III
Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu - Hồng Bàng – HP

Mẫu số: S05a – DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tháng 12 năm 2015

Số hiệu tài khoản : 111- Tiền mặt

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	NT CT	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
				Dư đầu kỳ tháng			<u>50.520.997</u>
				Phát sinh trong tháng			
						
06/12	06/12		PC 13/12	Tạm ứng cho chị Linh phòng kinh doanh đi công tác		10.000.000	20.580.000
08/12	08/12		PC 14/12	Chi tiếp khách		3.300.000	17.280.000
09/12	09/12	PT 37/12		Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt	200.000.000		217.280.000
09/12	09/12	PT38/12		Chị Linh Phòng kinh doanh hoàn ứng	2.450.000		214.830.000
10/12	10/12		PC 15/12	Chi mua văn phòng phẩm		1.237.500	213.592.500
10/12	10/12		PC 16/12	Thanh toán tiền điện văn phòng tháng 11		7.248.430	206.344.070
						
				Cộng số phát sinh	2.160.154.216	2.165.031.213	
				Tồn cuối tháng			<u>45.644.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Sổ quỹ tiền mặt

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng:

Tiền gửi ngân hàng phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi tại ngân hàng của công ty. Khi nhận được chứng từ của ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đúng rồi kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để nhập số liệu vào máy tính.

2.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng và tài khoản sử dụng:

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT (01GTKT3/001)
 - Giấy báo nợ
 - Giấy báo có
 - Ủy nhiệm thu
 - Ủy nhiệm chi
 - Các chứng từ khác liên quan
- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”

Tài khoản này dùng để phản ánh số tiền gửi vào và rút ra

Hiện nay, công ty có tài khoản tiền gửi, tiền vay tại những ngân hàng sau:

- Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB
 - Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Agribank (chi nhánh Hải Phòng)
 - Ngân hàng Công thương VN - Vietin bank (CN Hải Phòng)
 - Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam – Techcombank (CN Hải Phòng)
 - Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank (CN Hải Phòng)....
- + Tài khoản 1121 – Tiền Việt Nam: phản ánh khoản tiền Việt Nam đang gửi tại ngân hàng.
 - + Tài khoản 1122 – Ngoại tệ: phản ánh các khoản ngoại tệ đang gửi tại ngân hàng đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

2.2.2.2. Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng

Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng của Công ty xăng dầu khu vực III được kế toán thực hiện theo sơ đồ sau:

- Hàng ngày, từ các chứng từ có liên quan Kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng.

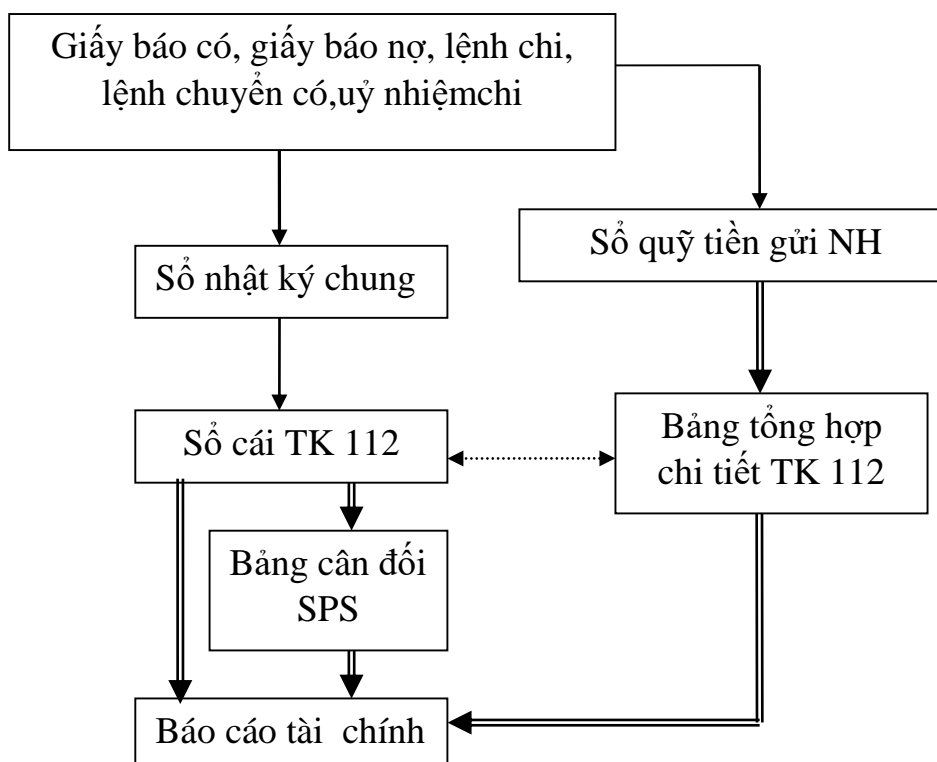
- Sau đó, từ Sổ Nhật ký chung lập Sổ cái, từ Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng lập Bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng.

- Kế toán tiến hành đối chiếu Sổ cái TK112 với Bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng.

- Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu để lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng của Công ty xăng dầu khu vực III được kế toán thực hiện theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng của Công ty xăng dầu khu vực III



Ghi chú

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng : \Longrightarrow

Đối chiếu : \longleftrightarrow

2.2.2.3. Một số ví dụ minh họa:

Ví dụ 3: Ngày 9/12/2015, công ty rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt số tiền 200.000.000 đ

Cụ thể quy trình hạch toán chi tiền gửi ngân hàng tại công ty xăng dầu khu vực III như sau:

Nhận được Giấy báo nợ (Biểu số 2.9) của ngân hàng, kế toán kiểm tra đối chiếu với ngân hàng để đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu.

Sau đó kế toán vào sổ Nhật lý chung (Biểu số 2.13) theo định khoản sau:

Nợ TK 111: 200.000.000 đ

Có TK 112: 200.000.000 đ

Từ Nhật ký chung (Biểu số 2.13) tiến hành vào Sổ Cái tài khoản 111, TK 112 (Biểu số 2.14)

Sau đó kế toán căn cứ vào Giấy báo nợ để ghi vào Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng để cuối kỳ lập Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng.

Ví dụ 4: Ngày 06/12/2015 công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng Công thương thông báo về trả lãi tiền gửi ngân hàng, số tiền 1.061.274 đồng

Cụ thể quy trình hạch toán thu tiền gửi ngân hàng như sau:

Nhận được giấy báo có (Biểu số 2.10) của ngân hàng, kế toán kế toán kiểm tra đối chiếu với ngân hàng để đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu.

Sau đó kế toán vào sổ NKC (Biểu số 2.13) theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 1.061.274

Có TK 515: 1.061.274

Từ NKC tiến hành vào sổ cái TK 112 (Biểu số 2.14), TK 515

Sau đó kế toán căn cứ vào giấy báo có để ghi vào Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng (Biểu số 2.11) để cuối kỳ lập Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng (Biểu số 2.12).

Từ sổ cái Tiền gửi ngân hàng kế toán sẽ vào Bảng cân đối tài khoản để cuối năm lập Báo cáo tài chính

NGAN HÀNG VIETINBANK
Số Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

GIẤY BẢO NỢ
Ngày 09 – 12 – 2015

Số: 05/12

MA GDV: ĐINH THI TUYẾT MAI
MA KH: 1156
SỐ GD: 564

Kính gửi: CÔNG TY XANG DẦU KHU VỰC III

Mã số thuế: 0200120833

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã bảo NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 1204200861431

Số tiền bằng số: 200.000.000

Số tiền bằng chữ: HAI TRAM TRIEU DONG CHAN.

Nội dung: NGUYEN THI THUY RUT TIEN MAT.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.9: Giấy báo nợ số 05/12

NGAN HÀNG VIETINBANK
Số Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

GIẤY BẢO CỐ
Ngày 31 – 12 – 2015

Số :28/12

MA GDV: CAO HONG SON
MA KH: 1156
SO GD: 688

Kính gửi: CÔNG TY XANG DẦU KHU VỰC III

Mã số thuế: 0200120833

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã bảo CỐ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CỐ: 1204200861431

Số tiền bằng số: 1.061.274

Số tiền bằng chữ: MỘT TRIỆU KHÔNG TRAM SAU MƯỜI MỘT NGHIN HAI TRAM BAY MƯỜI TƯ DỒNG CHAN.

Nội dung: CÔNG TY XANG DẦU KHU VỰC III NHẬP LẠI TỪ NGÀY 1/12 ĐẾN 31/12

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.10: Giấy bảo có số 28/12

Đơn vị: Công ty xăng dầu khu vực III
Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu - Hồng Bàng - HP

Mẫu số: S06 – DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 12 năm 2015

Mở tại ngân hàng: **Công thương Việt Nam - Vietin Bank**

Đơn vị tính : **Đồng**

NT GS	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
	SH	NT			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại
			Số dư đầu kì			<u>275.096.315</u>	
			Số phát sinh trong kì				
						
09/12	GBN 05/12	09/12	Rút tiền gửi về quỹ	111		200.000.000	
						
			Thanh toán tiền bảo dưỡng xe cho công ty cổ phần Oshico	642		17.510.000	
13/12	GBN 09/12	13/12		133		1.751.000	
						139.292.540	
14/12	GBC 08/12	14/12	Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO thanh toán tiền dầu diesel	511	132.486.000	271.778.540	
				331	13.248.600	285.027.140	
						
31/12	GBC 28/12	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12	515	1.061.214	348.548.255	
						
			Cộng số phát sinh		6.002.712.935	5.906.328.022	
			Tồn cuối kỳ			<u>371.481.228</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Sổ tiền gửi ngân hàng

Đơn vị: Công ty xăng dầu khu vực III

Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu - Hồng Bàng - HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

T T	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	01300267 10034	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	322.372.401		426.218.026	596.207.812	152.382.615	
2	12042008 61431	Ngân hàng Vietin Bank	275.096.315		6.002.712.935	5.906.328.022	371.481.228	
3	30718264 10254	Ngân hàng Techcombank	270.097.105		3.600.084.092	3.538.851.573	331.329.624	
4	04650016 95464	Ngân hàng Vietcombank	945.426.794		25.499.154.456	25.409.480.050	1.035.101.200	
						
		Cộng	1.949.489.507		46.289.474.316	46.149.607.969	2.089.355.854	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu số 2.12: Bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng

Đơn vị: Công ty xăng dầu khu vực III
Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu - Hồng Bàng - HP

Mẫu số: S03a – DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
08/12	PC 14/12	08/12	Chi tiếp khách	642	3.000.000	
				133	300.000	
				111		3.300.000
09/12	PT 37/12	09/12	Rút tiền gửi NH Vietinbank nhập quỹ tiền mặt	111	200.000.000	
	GBN 05/12			112		200.000.000
09/12	PT 38/12	09/12	Chị Linh phòng kinh doanh hoàn ứng	111	2.450.000	
				141		2.450.000
10/12	GBN 06/12	10/12	Trả lương cho công nhân viên tháng 11	334	997.578.000	
				112		997.578.000
10/12	PC 15/12	10/12	Chi mua văn phòng phẩm	642	1.125.000	
				133	112.500	
				111		1.237.500
10/12	GBC 07/12	10/12	Công ty cổ phần Huyền trang thanh toán tiền xăng A92	112	464.959.000	
				511		422.690.000
				333		42.269.000
			...			
31/12	GBC 28/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Vietinbank	112	1.061.214	
				515		1.061.214
			...			
			Cộng tổng số phát sinh		473.834.240.095	473.834.240.095

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty xăng dầu khu vực III
Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu - Hồng Bàng - HP

Mẫu số: S03b – DN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2015

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng – TK112

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>1.949.489.507</u>	
			Số phát sinh trong kỳ			
			...			
09/12	GBN 05/12	09/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt	111		200.000.000
10/12	GBN 06/12	10/12	Trả lương cho công nhân viên tháng 11	334		997.578.000
			...			
13/12	GBN 09/12	13/12	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe cho công ty cổ phần Oshico	642		17.510.000
				133		1.751.000
14/12	GBC 08/12	14/12	Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO thanh toán tiền dầu diesel	511	132.486.000	
				331	13.248.600	
			...			
31/12	GBC 28/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Vietinbank	515	1.061.214	
			...			
			Cộng số phát sinh		46.289.474.316	46.149.607.969
			Số dư cuối kỳ		<u>2.089.355.854</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Sổ cái TK 112

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III:

Trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty từ khi thành lập đến nay, Công ty đã trải qua biết bao những khó khăn phức tạp để tồn tại cạnh tranh và phát triển. Trong suốt quá trình những năm qua ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ khó khăn, vượt qua thử thách, dần dần khẳng định vị trí của mình. Đó là kết quả phấn đấu, bền bỉ, liên tục trong toàn công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý, làm việc của Công ty. Điều đó góp phần không nhỏ mang lại công ăn việc làm cho những người lao động và góp phần không nhỏ vào ngân sách nhà nước.

Để có những thành tựu đó không thể không kể đến sự đóng góp của bộ máy kế toán. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối chặt chẽ với những cán bộ công nhân viên có trình độ, có năng lực và nhiệt tình trong công việc. Các cán bộ kế toán nhiệt tình và yêu nghề, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành và vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo trong nghiệp vụ đem lại hiệu quả cao trong công việc. Việc bố trí nhiệm vụ phù hợp với trình độ, khả năng của mỗi người đã góp phần đặc lực vào công tác hạch toán và quản lý tài chính trong Công ty.

Công tác quản lý và hạch toán kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đặc lực phục vụ cho quá trình kinh doanh của công ty. Bởi chỉ có quản lý tốt thì kinh doanh mới tốt, công tác kế toán tốt thì thông tin kế toán mới đảm bảo được cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ cho quản trị nội bộ cũng như làm cơ sở để đưa ra chiến lược kinh doanh tối ưu.

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty có những ưu điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm về tổ chức công tác kế toán tại Công ty xăng dầu khu vực III:

Công ty đã tạo được mô hình quản lý và hạch toán khá khoa học, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, bộ máy quản lý hoạt động một cách khá nhịp nhàng giúp cho giám đốc công ty điều hành có hiệu quả.

Hiện nay với yêu cầu nâng cấp cao của công tác kế toán, phòng kế toán thường xuyên chú trọng đến công tác nâng cao, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kế toán. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi và cùng với bộ máy đã phân nhiệm rõ ràng cho từng người đã tạo ra sự ăn khớp nhịp nhàng giữa các phân hành kế toán đã cung cấp số liệu cụ thể, chi tiết, chính xác và tổng hợp cho nhau một cách đầu đủ kịp thời nhằm thực hiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền.

Với bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo công ty đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh.

Các thủ tục liên quan đến vốn bằng tiền được cập nhật hằng ngày một cách đầy đủ từ những công việc hạch toán ban đầu cho đến việc kiểm tra chứng từ một cách hợp lý được tiến hành cẩn thận, tránh tình trạng xảy ra sai sót, đảm bảo số liệu được phản ánh rõ ràng hợp lý và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền, kế toán vốn bằng tiền được tiến hành trật chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được ghi chép và đóng quyển theo thứ tự thuận lợi cho việc kiểm tra.

Kế toán đã sử dụng đầy đủ sổ sách để theo dõi tình hình thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng: Sổ quỹ tiền mặt, sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng, sổ cái tài khoản 111, TK 112 được thể hiện trong quá trình hạch toán tiền mặt, tiền gửi

ngân hàng. Các sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời, đầy đủ nhu cầu về vốn cho hoạt động kinh doanh.

Kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, các nghiệp vụ này được ghi chép theo trình tự thời gian rất hợp lý thuận tiện cho việc theo dõi.

+ Hạch toán tiền mặt: Việc lập sổ quỹ tiền mặt được căn cứ trực tiếp vào các phiếu thu, chi hàng hóa giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán tiền mặt có thể đối chiếu các số liệu này với sổ quỹ một cách nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, chính xác, giúp phát hiện được những chênh lệch, tìm ra được nguyên nhân và kiến nghị những biện pháp xử lý chênh lệch kịp thời.

+ Hạch toán tiền gửi ngân hàng: Việc lập sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng căn cứ vào giấy báo nợ, giấy báo có cũng giúp cho kế toán tiện việc theo dõi, quản lý lượng tiền gửi một cách tốt hơn.

+ Công ty luôn nâng cao trình độ cán bộ trong công ty đặc biệt đối với đội ngũ kế toán bằng các cho nhân viên đi học các lớp đào tạo tay nghề, mở rộng tầm hiểu biết đồng thời nắm bắt được những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành. Bên cạnh đó công ty luôn cập nhập những thông tư, quyết định mới của Bộ tài chính và công tác hạch toán vốn bằng tiền kịp thời thay đổi phù hợp với chính độ kế toán.

3.1.2. Hạn chế trong công tác kế toán vốn bằng tiền:

Bên cạnh những ưu điểm trên, song do những nhân tố khách quan và chủ quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng ở công ty vẫn còn một số tồn tại sau:

- Do địa bàn phạm vi kinh doanh của công ty khá rộng và ngày càng được mở rộng nên đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng công ty chưa nhận được giấy báo có, giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng mà hiện nay công ty lại ko sử dụng TK 113 – Tiền đang chuyên để theo dõi. Điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

- Về việc kiểm quỹ: Vì không tiến hành kiểm kê quỹ thường xuyên, định kỳ nên khi muốn kiểm tra đột xuất thì công ty không có số liệu để đối chiếu, kiểm

tra kịp thời. Trong công tác quản lý quỹ của công ty, kế toán chưa sử dụng Bảng kiểm kê quỹ trong việc kiểm kê quỹ định kỳ. Do vậy nhà quản lý không nắm được số tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với quỹ nên không có cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

- Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính. Việc luân chuyển chứng từ trong công ty chưa có một quy định cụ thể, không có sổ sách giao nhận, lại do đặc điểm kinh doanh của công ty có nhiều cây xăng bán lẻ ở xa trụ sở Công ty nên việc tập hợp số liệu, chứng từ sổ sách còn chậm chạp, dễ gây mất mát dẫn đến chậm trễ trong việc ra quy định đối với các nhà quản lý.

- Hiện nay công ty sử dụng máy tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng vẫn chỉ là thực hiện trên Word, Excel chứ chưa có một phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác hạch toán kế toán nên công ty vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian lập, ghi chép, tổng hợp số liệu....

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III

Qua phân thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III có thể thấy được nhìn chung công tác quản lý hạch toán vốn bằng tiền trong công ty là tốt, tuân thủ theo đúng quy định hiện hành. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số vấn đề mà em đã nêu trên, do vậy kế toán vốn bằng tiền cần hoàn thiện để nâng cao kết quả kinh doanh.

Là sinh viên thực tập tại công ty, được sự giúp đỡ của các thầy cô và các anh chị nhân viên trong phòng kế toán, em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện hơn nữa tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty.

3.2.1. Công ty lên sử dụng tài khoản 113 – “Tiền đang chuyển”

Hiện nay công ty không sử dụng tài khoản 113 – “Tiền đang chuyển” để hạch toán. Đây là số tiền của danh nghiệp trong quá trình xử lý như chuyển tiền đang gửi vào ngân hàng kho bạc, chuyển trả cho khách hàng qua đường bưu điện nhưng chưa nhận được giấy báo có, đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng. Thường khi doanh nghiệp không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán vì thường tiền chuyển qua Ngân hàng sẽ chỉ phải chờ một vài ngày là người phụ hưởng sẽ nhận được tiền. Nhưng nó sẽ ảnh hưởng nếu như dời vào cuối kì kế toán hàng tháng hàng năm. Trường hợp cuối tháng lên báo cáo tài chính mà có phát sinh tiền khách hàng đã chuyển (nhưng chưa tới, sẽ nhận được vào ngày đầu tháng sau) nếu nghiệp vụ này không sử dụng TK 113 thì số dư công nợ cuối năm trên báo cáo tài chính không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán. Vì vậy Công ty nên đưa TK này hạch toán toán vốn bằng tiền để đảm bảo tính chính xác, cập nhật về tiền

- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 113 “ Tiền đang chuyển”:

TK bên nợ:

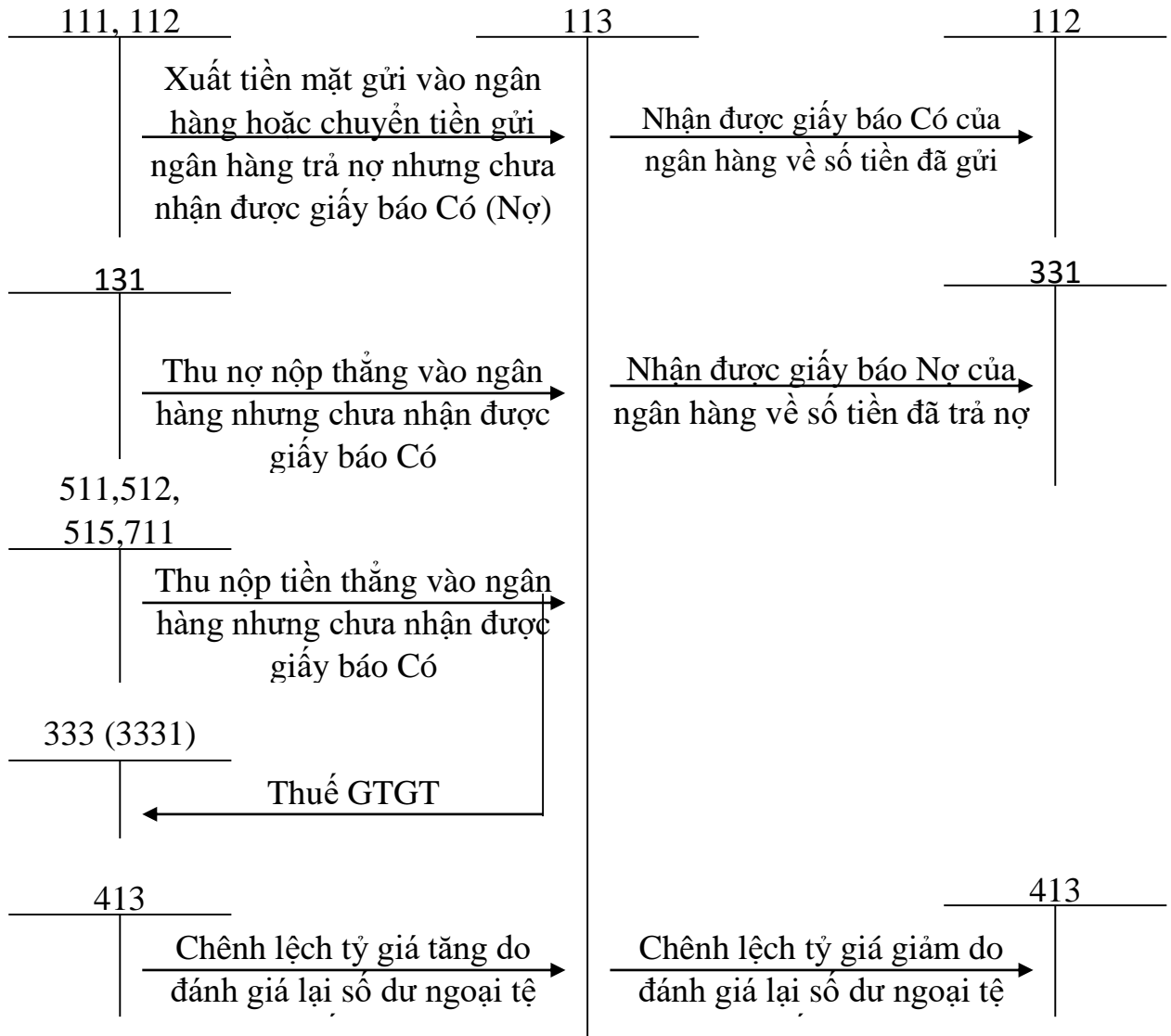
- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

TK bên có:

- Số kết chuyển vào TK 112 – “Tiền gửi ngân hàng” hoặc tài khoản có liên quan.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư bên nợ: khoản tiền đang còn chuyển cuối kỳ.

Kế toán tổng hợp tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 3.1: Kế toán tiền đang chuyển (TK 113)

3.2.2. Hoàn thiện công tác quản lý và kiểm kê tiền mặt

Để khắc phục nhược điểm đã nêu trên: theo em công ty nên tiến hành kiểm kê quỹ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệnh (nếu có) giữ tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế với Sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải lập bảng kiểm kê, trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi Sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Mọi khoản chênh lệnh phải báo cáo giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ Ban kiểm kê quỹ phải lập Bảng kiểm kê quỹ thành hai bản:

- + Một bản lưu ở thủ quỹ
- + Một bản lưu ở kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán

Bản kiểm quỹ có thể được lập theo mẫu sau:

Đơn vị:.....

Mẫu số 08a – TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ**(Dùng cho VNĐ)**

Số:.....

Hôm nay, vào..... giờ...ngày...tháng... năm

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà:.....đại diện kế toán
- Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ
- Ông/Bà:.....đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x
II	Số kiểm kê thực tế:	x
1	Trong đó: – Loại
2	– Loại
3	– Loại
4	– Loại
5	–
III	Chênh lệch (III = I – II):	x

– Lý do:+ Thừa:

+ Thiếu:

– Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng**Thủ quỹ****Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.1: Bảng kiểm kê quỹ

3.2.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:

Để việc luân chuyển chứng từ được nhanh chóng và tránh mất mát. Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ qua các phòng, các bộ phận và bắt buộc có chữ kí của các bên. Đồng thời nâng cao trách nhiệm trong việc quản lý chứng từ. Sổ giao nhận chứng từ có thể theo mẫu sau:

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày... đến ngày....

Ngày, tháng giao nhận	Số hiệu chứng từ	Ngày, tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

Biểu số 3.2: Sổ giao nhận chứng từ**3.2.4. Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán.**

Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ các báo cáo tài chính quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu tốn cho việc này có thể mất vài ngày thậm chí tới vài tuần để hoàn thành thì nay với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán, người sử dụng có thể giảm tối đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút. Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

Với quy mô của Công ty xăng dầu khu vực III như hiện nay thì nên sử dụng phần mềm kế toán FAST FINANCIAL – là phần mềm quản trị tài chính kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn với các phân hệ nghiệp vụ:

1. Quản trị hệ thống
2. Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
3. Kế toán bán hàng và công nợ phải thu
4. Kế toán mua hàng và công nợ phải trả
5. Kế toán hàng tồn kho
6. Kế toán quản trị phí
7. Kế toán giá thành sản phẩm
8. Kế toán giá thành công trình, vụ việc
9. Kế toán quản trị theo các trường người sử dụng tự định nghĩa
10. Kế toán TSCĐ
11. Kế toán CCLĐ
12. Kế toán chủ đầu tư
13. Báo cáo thuế
14. Báo cáo tài chính
15. Thuế thu nhập cá nhân
16. Thông tin điều hành và báo cáo quản trị

Đa số các phần mềm hiện có trên thị trường là dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ hoặc là các giải pháp rất lớn của các nhà cung cấp nước ngoài. Fast Financial là một trong số ít các giải pháp được thiết kế dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, có khả năng xử lý khối lượng lớn giao dịch, cho phép các đơn vị hoạt động ở nhiều địa điểm khác nhau truy cập từ xa qua internet vào cơ sở dữ liệu tập trung, phân quyền bảo mật chặt chẽ trong điều kiện nhiều người truy cập và truy cập qua internet.

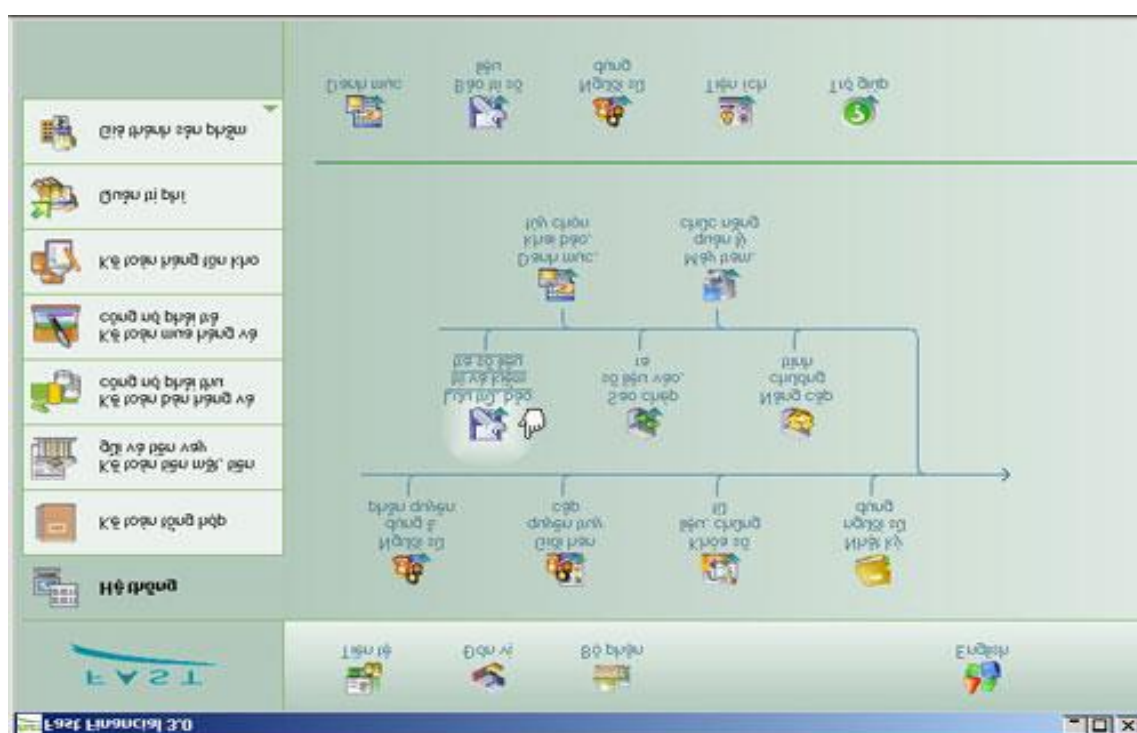
- Hỗ trợ ra quyết định: Fast Financial có nhiều báo cáo dạng truy vấn nhanh số liệu và các báo cáo tổng hợp phân tích số liệu theo các chiều phân tích khác nhau. Ngoài ra còn có công cụ hỗ trợ phân tích số liệu OLAP giúp người sử dụng dễ dàng khai thác số liệu theo ý muốn của mình. Các thông tin này sẽ giúp cho việc ra quyết định trong việc điều hành tác nghiệp hàng ngày cũng như trong việc phân tích kết quả thực hiện và lập kế hoạch cho thời gian sắp tới.

- Làm việc mọi lúc, mọi nơi qua internet: Lợi ích vô cùng lớn của Fast Financial cho người dùng là có thể làm việc, truy cập dữ liệu công ty từ xa qua internet, kể cả trên điện thoại di động và kết nối qua 3G.

- Dễ dàng nâng cấp lên giải pháp ERP mà không phải thay đổi nhà cung cấp: Khi doanh nghiệp cần một giải pháp quản trị tổng thể, toàn diện doanh nghiệp (ERP), triển khai cho các phòng ban khác nhau trong công ty thì có thể dễ dàng nâng cấp lên phần mềm ERP Fast Business của FAST mà không phải chuyển sang nhà cung cấp khác.

- Thương hiệu mạnh: FAST có hơn 18 năm kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực phát triển và tư vấn ứng dụng các giải pháp phần mềm phục vụ doanh nghiệp. Các sản phẩm và dịch vụ của FAST được hơn 12.500 khách hàng trên toàn quốc tin dùng (trong đó có trên 700 khách hàng sử dụng sản phẩm Fast Financial) và được trao các giải thưởng uy tín như Giải pháp Công nghệ Thông tin hay nhất BIT Cup do người sử dụng bình chọn, giải thưởng Sao Khuê của VINASA (Hiệp hội phần mềm Việt Nam), IT Award của VAIP (Hội Tin học Việt Nam), Top 5 Phần mềm hàng đầu Việt Nam,...FAST có văn phòng tại 3 miền Bắc, Trung, Nam với đội ngũ hơn 350 nhân viên.

Dưới đây là hình ảnh cho phần mềm kế toán Fast Financial



KẾT LUẬN

Khóa luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III” đã đề cập đến những vấn đề cơ bản sau:

❖ Về mặt lý luận: Đưa ra những vấn đề chung nhất về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại doanh nghiệp

❖ Về mặt thực tiễn: Phản ánh khá đầy đủ về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty xăng dầu khu vực III với số liệu chứng minh và tình hình thực tế năm 2015. Đồng thời khóa luận cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty xăng dầu khu vực III.

Qua đây em xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới thầy giáo Thạc sỹ Nguyễn Văn Thụ, giáo viên hướng dẫn đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn tất khóa luận đúng thời hạn. Em xin được gửi lời cảm ơn tới Ban giám đốc, anh chị trong Công ty xăng dầu khu vực III đã hết lòng tạo điều kiện cho em thu thập tài liệu để hoàn thành khóa luận. Với lượng thời gian không phải là dài, và nhất là một sinh viên đang thực tập, lượng kiến thức và hiểu biết còn hạn hẹp nên bài viết không tránh khỏi những sai sót, rất mong sự góp ý của giáo viên hướng dẫn, các anh chị trong công ty và các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2016

Sinh viên

Hoàng Hà Mi

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2015 (Quyển 1)** – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản lao động
- 2. Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2015 (Quyển 2)** - Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản lao động.
- 3. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới** – TS Võ Văn Nhị.
- 4. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam** – NXB Lao động
- 5. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT** – TS. Võ Văn Công
- 6. Tài liệu tham khảo** tại phòng kế toán Công ty xăng dầu khu vực III
- 7. Website:** www.fast.com.vn